

TRITÂN

TẠP - CHÍ VĂN - HÓA RA HÀNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Trước khi âu-hóa, việt-văn đã có nhiều cái
âm-hợp với pháp-văn *Hoa-Bằng*

Dạng-bản văn-pháp (IV) *Đào-duy-Anh*

Sứ-bộ Tây-ban-nha sang Việt-Nam *Khuông-Việt*

Phê-bình « Tùy bút » *Hội-thống Vũ-văn-Lợi*

Thành Thăng-long với cuộc đổi thay
(có vẽ bản đồ) *Biệt-lam Trần-huy-Bá*

Toán giặc Hoàng-sùng-Anh bị thiêu sống trong
một hang đá *Tiên-Đàm*

Chén tân-khổ nhấp ngon mùi chính-khi : Ngô-
tòng-Chu *Nguyễn-Triệu*

Lũy Đồng-hời (II) *Nhật-Nham*

Bà Quận Mỹ (IX) *Chu-Thiên*

Việt-nam văn-học sử (VI) *Hoa-Bằng*

Vì đâu Phượng rẽ, loan chia (chuyện thơ)

Tùy hứng, Thời-dàm, vân vân ... *Song-Cối*

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo : 1 năm 5\$50 — 6 tháng 2\$80 — 3 tháng 1\$50

Mỗi số 12 xu

TÒA BÁO ở số 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Trước khi âu-hóa, việt-văn đã có nhiều cái ám-hợp với pháp-văn.

CÁU «nôm-na là cha mách-quê» đối với thời xưa đã tràn ngập hầu khắp các óc nhà nho. Họ, phần rất nhiều hay coi khinh tiếng mẹ đẻ, nên khi viết, họ thường viết hán-văn từ một bức thư cón-con đến một bài văn rung đùi, đặc-y. Cái hiếu - thượng sai-lạc ấy đã đầy việt-văn vào địa vị phụ-thuộc, chậm tiến-lối.

Cái bịnh «nguy-hiểm» ấy, mười năm đây về trước — hồi sách báo quốc-văn chưa thịnh-hành — cũng lây sang mạch máu mấy nhà tây học: Từ mấy câu chuyện đầu lưỡi đến một mẫu phô-bày ý-tưởng tâm-thường, họ cũng sinh nói tiếng tây, sinh viết văn tây, mặc dầu lời nói, câu văn của họ «không tây» một chút nào!

Việt-văn—món phô-bày bằng tiếng mẹ đẻ của chúng ta — trải qua một thể-hệ cũ và đầu thể-hệ mới này đã bị hắt-hủi, ghê-lạnh, khinh-khi, rẻ-rúng!

Nào có biết văn-viết có nhiều cái đặc sắc đáng quý-báu, đáng tự-hào, đáng biểu-dương.

Văn ta cũng có những lối bóng-bẩy về ngữ-phạm. Những lối này, nếu ta nhận kỹ, sẽ thấy chẳng khác gì văn tây: cũng đảo lộn thứ-tự những chữ dùng trong một câu, cũng trốn bớt những tiếng chỉ làm trùng-diệp vô-ích, cũng đặt thêm được những tiếng tuy không ích về ý nghĩa, nhưng thêm mạnh cho câu văn...

Trong văn ta, trước khi âu-hóa, đã có những lối này:

*Tường đông ghé mắt, ngày ngày
hàng trông.*

Thế nghĩa là ngày này ngày khác, Kim-Trọng cứ buồng mắt qua bức tường xây ở phía đông mà trông sang nhà hàng xóm. Đó tức là [lỗi] *inversion* trong văn tây

Lại như:

*Hỏi nhà, nhà đã dờ xa;
Hỏi Vương-Quan với cùng là Tháy-Vân.*

*Cũng đều sa-sút, khó-khẩn,
May thuê, viết mượn, kiếm ăn lần
hồi!*

Tác-giả Nguyễn-Du đã khéo «trốn» được ba tiếng chủ-nghĩa ở đầu ba câu trên, nên làm cho câu văn được hoạt-động và không rườm rà, nhưng vẫn rõ nghĩa. Nếu viết:

Chàng hỏi nhà, nhà dờ xa;

Chàng hỏi Vương-Quan cùng là Tháy-Vân.

Họ đều sa-sút, khó-khẩn...

Thì sao gọi là văn được nữa?

Về lối *ellipse* này, viết văn rất sở-trường. Vì ta xưa học toàn lối văn-ngôn Tàu, — một lối văn vì quá văn-tắt làm cho không rõ ý đến nỗi sau phải nhường chỗ cho lối bạch-thoại — nên văn ta, nhất là văn các cụ xưa, rất quen dùng lối rút bỏ chủ-ngữ, hay động-từ, hay túc-từ.

Lối bóng-bẩy về lời, văn ta, có thể nói, cũng phong-phú lắm.

Văn ta cũng có những lối *metaphore* giống văn pháp, như: *Mặt sứa gan lim*, và «trước hàm sư tử gửi người dăng-la».

Trong lối *metonymie*, ta cũng có khi lấy nhân đề chỉ quả hoặc lấy quả đề chỉ nhân.

Cử lệ: *Lưu-Linh*, chỉ về người nghiện rượu; *thần Hồi-lộc*, chỉ về hỏa-lại; *ả phù-dung* chỉ về thuốc phiện...

Lại có khi nói cái đồ chứa để chỉ vật chứa: *Bạn với be* lọ tức là bạn với rượu.

Hoặc dùng dấu-hiệu để chỉ sự vật: *ngai rồng* thay cho *ngôi vua*; *trám anh* thay cho *khoa hoạn*; *khố bện* hoặc *khố rách* thay cho *hạng cùng dân nghèo khổ*...

Đến lối bóng-bẩy về ý-nghĩa, văn ta cũng giàu lắm.

Về lối dùng điển, riêng trong cuốn *kiều* của cụ Nguyễn Du, ta đã thấy nó giúp cho câu văn được gọn gàng hơn, sâu sắc hơn.

Lối văn cổ của các cụ xưa rất hay dùng điển tích. Gần đây, vì hán học ngày một tàn tạ, ít người nhớ điển tích trong các sách tàu, nên các lối dùng điển tích này bây giờ ít thấy trong sách báo quốc văn.

Lối tỉ hiệu, trong văn ta, nhất là phong dao, tỏ ra ở xứ ta có cái «thờ-ngôi» rất thích-hợp cho nó sinh-trưởng:

Đầy vàng, đầy cũng đồng đen;

Đầy hoa sói trắng, đầy sen Tây-hồ.

Nếu kẻ đến lối nói kháy, nói riếu, thì ta phải suy-tôn Phong-dao đã đóng được vai trào-phúng rất tài tình:

Anh-hùng là anh-hùng rom!

Ta cho mớ lửa, hể cơn anh-hùng!

Nhiều người cho rằng chính pháp văn mới đã «nhập-cảng» cái *linh* cách tây vào văn viết, không, không phải, đầu óc nào kém suy-xét, mới nhận lầm như thế.

Quả thật, từ khi Đông Tây gặp nhau, việt-văn có chịu ảnh-hưởng của văn chương pháp nhiều lắm: cái đó tôi xin công nhận. Nhưng, trước khi âu-hóa, văn ta vẫn nhuộm một màu-sắc xứ-sở, thế mà nhiều cái ám-hợp với văn tây, chẳng qua ít ai nhận thấy đó thôi! Thì đây:

Lửa cơ dốt ruột, dao hàn cắt da!

và:

Chén tán-khồ, nhắp ngon mùi chinh-khi.

Lại như:

Cha đời cái Áo rách này,

Mất chúng, mất bạn vì mây, Áo ơi!

Nay nếu quên rằng những câu ấy là cũ, thì ai không bảo cái lối đặt *lửa cơ*, *dao hàn*, *chén tán-khồ* và *vì mây Áo ơi* đó là ta đã mô-phỏng văn tây? Nhưng thực ra, nó chỉ là

HOA-BẰNG

Xem tiếp trang 8

Sứ-bộ Tây-ban-nha

sang Việt-Nam

CÔNG của người Tây-ban-nha trong việc gây-dựng đế-quốc Pháp ở Nam kỳ không phải nhỏ.

Năm Mậu-ngọ (1858), nhân việc hai ông cố-đạo Tây-ban-nha bị khố-nhục ở Bắc-kỳ, thủy-sư đô-đốc Rigault de Genouilly cầm đầu liên quân Pháp-Tây đánh chiếm Cửa Hàn ngày 24 tháng 7 (1er Septembre). Về sau, trong trận hạ thành Sài gòn ngày rằm tháng giêng năm Kỷ-mùi (17 février 1859) và trận đánh up đồn Chí-hòa trong hai ngày rằm và 16 tháng giêng năm Tân-dậu (24-25 février 1861), quân sĩ Tây, dưới quyền chỉ-huy của đại-tá Palanca, đã lập được chiến-công rực-rỡ. Nhưng đến khi ký hòa-ước ngày 9 tháng 5 năm Nhâm-tuất (5 Juin 1862), nước Tây-ban-nha lại không chịu chiếm lấy khoảnh đất nào, chỉ chia số tiền quân-phí bồi-thường 4 triệu bạc và hưởng vài đặc-quyền về việc truyền-giáo và thương-mại.

Từ đó về sau, sự giao-thiệp giữa hai chánh-phủ Việt, Tây không có điều chi đáng đề ý, ngoài việc đại-tá Palanca thay mặt nữ-vương Isabelle đến Huế triều-kiến vua Tự-đức ngày 29 tháng 2 năm Quý-hợi (16 Avril 1863) và cuộc hành-trình của sứ-bộ Phan-thanh-Giản sang đáp lễ tận kinh-đô Madrid, trong tháng 10 năm Quý-hợi (Novembre 1863).

Im bất đến mười lăm năm sau, « sớ giấy » giao-thiệp ấy mới chấp-nối lại. Năm Kỷ-mão (1879), có tin chính-phủ Tây cử ông Don Melchar Ordonez làm sứ-thần sang Việt-Nam điều-định một thương-ước.

Ông Don Melchar Ordonez là trưởng-tư quan toàn-quyền xứ Phi-luật-tân, thuộc-địa Á đông của Tây-ban-nha. Ngài là một nhân-vật có tiếng-tam và rất đặng kính mến tại kinh-đô Manille của Phi-luật-tân. Khi đặng đặc-cử làm sứ-thần, ngài

đang ở tại kinh-thành Madrid.

Chính-phủ Tây lại phái chiếc thông-báo-hạm « Marques del Duero » đưa sứ-bộ Ordonez sang Việt-Nam.

Trong hai năm Đinh-sửu và Mậu-dần (1877-1878), trước khi sứ-bộ Ordonez được cử sang Việt Nam, lãnh sự Tây ở Saigon là ông Boulère đã tự tiện thương-lượng một thương-ước với xứ Cao miên. Sau ông mới được lệnh của chánh-phủ cho phép ông chánh-thực tiến hành cuộc thương-thuyết ấy. Nhưng hai vị thủy-sư đô-đốc Duperré và Lafont kế-tiếp nhau làm thống-đốc Nam-kỳ ngổ ý không vui lòng về việc ấy.

Trái lại, thủy-sư đô-đốc Duperre sẵn lòng đề cho lãnh-sự Tây được tự-do giao-thiệp với Nam-triều đăng ký thương-ước, miễn là không vượt ngoài phạm-vi của hòa-ước 15 Mars 1874. Theo điều-khoản thứ ba của hòa-ước đó, thì nước Việt Nam còn đăng-trọng quyền ký thương-ước với bất cứ một nước nào, nhưng phải giữ không được phạm đến quyền-lợi của nước Pháp, hoặc trái-nghịch với bản thương-ước đã ký ngày 31 Ao t 1874 với nước Pháp. Ngoài ra chánh-phủ Việt-Nam còn cần phải thông-cáo cho chánh-phủ Pháp biết trước tất cả những cuộc thương-lương có một tánh-cách ngoại-giao.

Bị cản-trở trong sự giao-thiệp với Cao-miên, nước Tây-ban-nha mới quay về phía Việt-Nam và nghĩ đến việc thương-mại của hai nước nhất là vấn-đề mua bán thóc gạo giữa Phi-luật-tân với Bắc-kỳ và vấn-đề đem nhân-công Việt Nam sang đảo Cuba, một thuộc-địa của Tây-ban-nha về bên Tân-thế-gới.

Sau khi đã thu-xếp xong với chánh-phủ Pháp ở bên chánh-quốc, sứ-bộ Ordonez mới đặng lệnh sang

Việt-Nam.

Chiếc thông-báo-hạm « Marques Del Duero » đến bến Saigon vào trung-tuần tháng sáu năm Kỷ-mão (Aout 1879).

Sứ-bộ Ordonez vừa đề chân lên đất Nam kỳ, các giới người Pháp đều tỏ ý lo ngại cho quyền-lợi của mình và đặc-biệt chú ý đến hành-động của sứ-bộ.

Ông Henri Viénot, chủ-but báo « Independant de Saigon » đã được vãng-lòng khi nghe sứ-thần Ordonez tuyên-bố rành-rẻ mục-dịch và quyền-hạn của sứ-bộ. Theo ông thì chánh-phủ Tây không khi nào nghĩ đến việc gây ra những sự khó-khăn, rắc-rối cho chánh-phủ Pháp; trái-lại chánh-phủ Tây chỉ muốn hành-động thỏa-thuận với nước Pháp để giữ nguyên vẹn tình-bằng-hữu của hai nước đã có từ lâu và là cột-trụ của chính-sách hai nước ở các xứ cận-Đông này. Quyền-hạn của sứ-bộ chỉ thuộc về thương-mại và sứ-bộ sẽ đăng-thành công là khi nào có chánh-phủ Pháp ưng-thuận.

Những lời tuyên-bố của sứ-thần Ordonez đã làm nguôi-lòng các giới người Pháp ở Saigon. Tuy vậy, như không muốn mất lòng chánh-phủ Pháp và cũng do theo linh-bên chánh-quốc, sứ-thần Ordonez có trình cho quan-thống đốc Nam-kỳ xem xét trước những dự-bị bản thương-ước mà nước Tây-ban-nha định ký kết cùng Việt Nam. Những dự-bị ấy, sứ-bộ Tây đã dày công thảo-luận cùng lãnh-sự Việt-Nam ở Saigon là ông Nguyễn-thành-Y.

Quan-thống đốc Nam-kỳ có mời sứ-bộ Tây hội-đàm và xin sửa-đổi vài khoản trong bản thương-ước có thể phạm đến quyền-lợi của người Pháp. Đến những điểm mà đôi-bên không đồng-ý kiến thì phải đánh-điện về chánh-quốc hỏi và do hai chánh-phủ Pháp Tây giải-quyết.

Bởi vậy, vào hạ-tuần tháng 9 năm Kỷ-mão (Octobre 1879), khi sứ-bộ Tây xuống tàu « Marques Del Duero »

KHUÔNG VIỆT
Xem tiếp trang 21

Độc

« TÙ Y BÚT »

hay là « Thi-vị cuộc sống »

O NG Nguyễn-Tuân vốn có tâm-hồn một nhà thi-sĩ, nên « chỉ muốn sống với cảnh đẹp... chỉ muốn lòng... sớm chiều đều rung động một điệu nhẹ-nhõm vui vẻ ». Và ông muốn mọi người đều « say sưa trước cuộc sống », nên mới xuất bản tập « Tuy-but », mà trôi nhất là « Một lá thư không gửi » (nhưng đã đăng ở tạp-chí Tao Đàn, dưới cái đề « Thêm đi » và « Đẹp lòng »).

Độc giả chắc cũng như tôi, ai lại không muốn thay thực-đơn cho dạ dày ? Cứ ở mãi một nơi, theo ý tác-giả, « sẽ bèn trong tình yêu—yêu, hiền theo nghĩa rộng—và trở nên nhút nhát và gẻ lạnh trước cuộc sống ». Chính ông Nguyễn-Tuân nhận rằng « bệnh du-lich » đã truyền vào người ông « không phải ở phía mẹ, mà ở phía cha ». Nhưng không phải ai muốn đi du-lich cũng được đâu : dư thì giờ chưa đủ, phải « thêm đi » nữa ! Biết bao kẻ thật là giàu có, mà suốt đời có « biết đó, biết đây » là cái gì đâu ? Trái lại nhiều người còn « thêm đi » hơn ông Nguyễn-Tuân nữa kia, mà rút cục vẫn phải chôn chân một chỗ, sống một cuộc đời mòn mỏi trong sự đợi chờ một cái gì mới mẻ, mà than ôi, không bao giờ thấy đến ! Nguyên-nhân ? Chỉ vì trong tay không san đồng tiền. Thế mà ngày xưa đã có người dám nói rằng tiền bạc không tạo nên được hạnh phúc ! Hay chỉ tại không biết dùng đồng tiền cho phải cách ? Nhưng dầu sao, « đi » không phải « là chết trong lòng một ít ». Chúng ta đều chết dần từng giờ,

phút một (chaque instant de la vie est un pas vers la mort. — Corneille).

Có người đi xa vì sinh kế bắt buộc, có kẻ đi xa du-học, để cầu chút công-danh ; cũng có khi đi xa để mưu cuộc hòa-bình cho thế-giới. Nhưng « đi », đối với tác-giả, « là hình thức tốt đẹp nhất của thoát ly. Thoát ly khỏi cái tù mủn của cuộc sống hàng ngày ; khỏi phiền phức của sự an bài, đề trốn cái trơ trẽn của người cũ ». Không phải là không có một phần sự thực trong câu nói đó. Nhưng phải cần nhiều can đảm, phải biết yêu đời, mới chịu đựng được những cái tù mủn ấy. Đi, chỉ là một thái độ tiêu cực. Tôi không đồng ý với Baudelaire, vì « đi để mà đi » (... Mais les vrais voyageurs sont ceux là seuls qui parient pour partir ; tác giả đã đan-cử ra trong « Một lá thư không gửi ») chỉ là một cái bệnh khó chữa (bougeotte), « ở không yên chỗ, ngồi không vững vàng » ! Ở dưới trời Âu, Mỹ, rất nhiều người (phần nhiều người là giàu có, cố nhiên !) mắc phải cái bệnh ấy : quanh năm suốt tháng, họ không làm được việc gì ích lợi ; chỉ giết thì giờ bằng cách đi hết chỗ này sang chỗ khác, không mục đích. Thật là một hạng người thừa !...

Độc « Đẹp lòng », chúng ta đã « thấy trong chốc lát cái thi vị của cuộc sống » vì hôm ấy—một ngày trong chuỗi ngày — « một ngày có thể gọi là đẹp trong những ngày vui đẹp » tác giả « đang vui

sống », cũng chẳng biết tại sao nữa ? Nhưng độc-giả sẽ kinh ngạc khi thấy ông Nguyễn-Tuân hạ bút viết một cách thật táo bạo : «... vui sống, vui đến nỗi cảm thấy cái vô dụng của mọi cuộc cách mệnh xã-hội trên thế giới. Và tính cách vô bổ của mọi thứ Tôn-giáo lúc này lại càng rõ rệt (?) quá !... »

Thật là giản-dị đến cực-điểm. Có lẽ buổi sáng hôm ấy, giờ ấy, phút ấy, óc ông Nguyễn Tuân « rỗng tuếch », hay ông ích-kỷ quá ; thấy đời « vui, đẹp » (người vui, cảnh có buồn đâu bao giờ ?), ông vui tưởng ai ai cũng « đang vui sống » như mình, thiên-hạ đều sống những ngày vui, đẹp, bình-thản, không có chuyện gì cả. Sự thực đâu có thế. Tôi chưa từng thấy ai vui đến nỗi « cảm thấy cái vô-dụng, v... v... ». Họa chăng bây giờ mới có ông Ân-ngũ-Tuyên là một.

Nhưng oai-oăm thay ! hôm khác, không đẹp lòng như hôm đó, tác-giả lại cho rằng « sống, quả đã là một sự gắng-gỏi... » (Gió đã lên), hay, vì một sự tức-giân cồn con, than-phiền rằng đã mất một buổi mai, tuy buổi mai đó, giờ vẫn tươi, đẹp như mọi ngày.

Cứ gì hôm nào đẹp lòng mới « huyết sáo gió... , hát tây... , ngâm thơ tàu cổ... » Cuộc sống, tự nó là một kiệt-tác rồi. Vui vẻ mà sống. Đời đẹp lắm : ngày nào cũng đẹp như ngày nào ; thời khắc nào mà không đáng giá ngàn vàng ? « Quân bất kiến Hoàng hà chi thủy thiên thượng lai, bôn lưu đảo hải bất phục hồi... ? »

Đời ta có thể ví như tờ giấy trắng ; bút, mực là các tình-tú trên bầu trời bao-la, bát-ngát, là

Hội-Thống VŨ-VĂN-LỢI

Xem tiếp trang 8

Thành Thăng - Long với cuộc đổi thay

Có kèm mấy bức bản đồ cổ kim để tiện kê cứu

Số 1

Biệt-Lam TRẦN-HUY-BÁ

THÀNH Thăng-long tức là Phượng-thành đời cổ, ở vào trong khu-vực thành Đại-la. Đời Trang-khánh nhà Đường năm thứ tư (824), Lý nguyên-Gia làm quan đô-hộ, thấy phủ-thành có

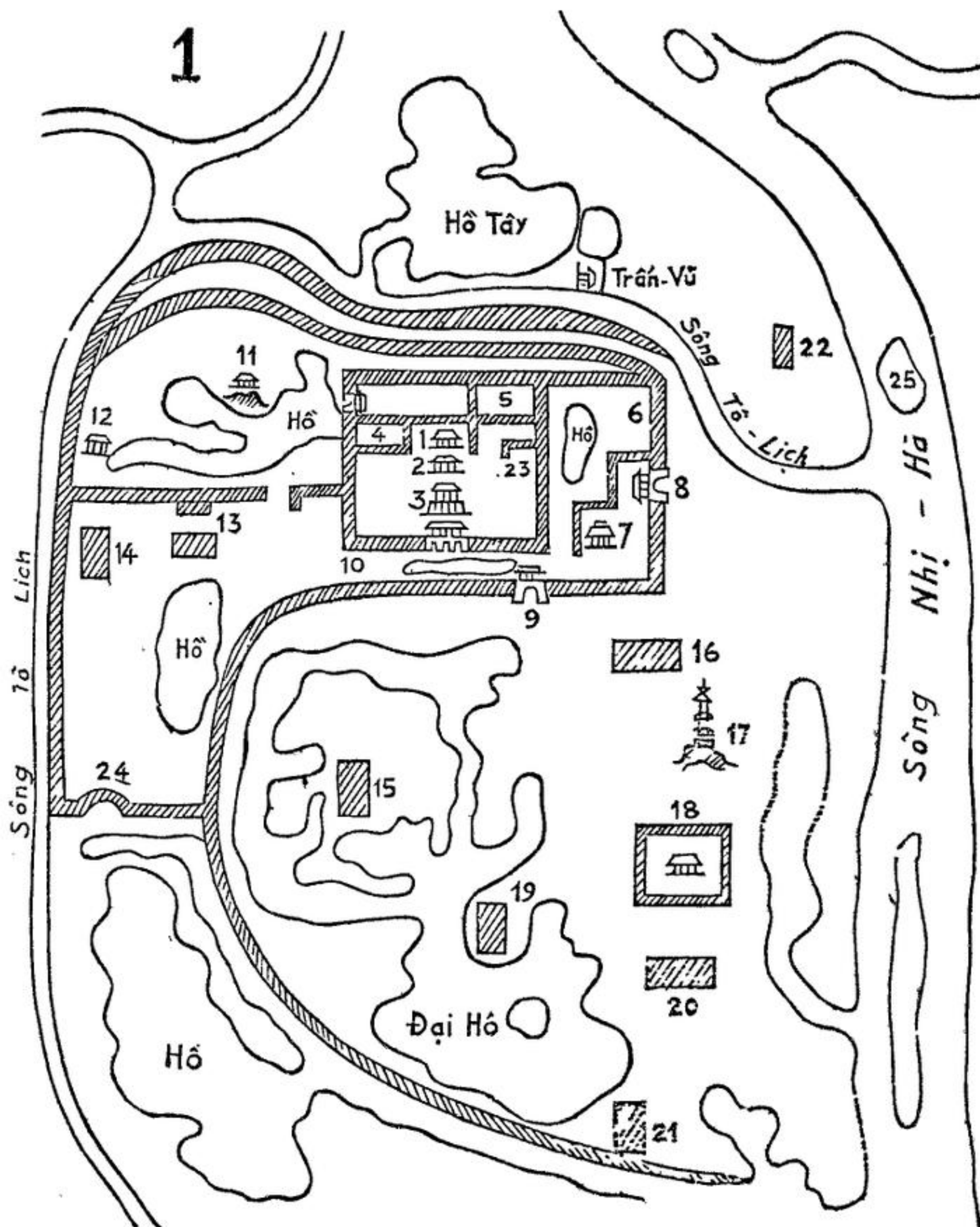
ngịch-thủy, sợ có nhiều người hay sinh ra ý bội-phản, nên bỏ Phượng-thành, dời phủ-trị ra gần sông Tô-lich, lập ra một thành nhỏ.

Khoảng năm Đại-trung (817-859), Vương-Thức sang làm đô-hộ, cho

giồng nhiều cây vải xung quanh để làm lũy, bên ngoài giồng rất dày các thứ tre gai, nên gọi là Trúc-thành.

Năm Hàm-thông thứ tư (863) Cao Biền làm tiết-đô sứ quân Tĩnh-hải, chiếm cứ phủ thành, rồi đắp ra thành Đại-la.

Đời Lý gọi là Thăng-long; đời Trần gọi là Trung-kinh; đời Hồ gọi là Đông-đô; đời Minh thuộc gọi là Đông-quan; đời Lê gọi là Đông-kinh; đời Quang-thuận nhà Lê lại gọi là Trung-đô. Đến bản triều, đời



- Bản đồ số 1 —
- 1 Điện Kính-thiên.
 - 2 Điện thị triều.
 - 3 cửa Đoan môn.
 - 4 Điện Chí kính.
 - 5 Điện Văn-'ho
 - 6 Đông kinh.
 - 7 Nhà Thái miếu.
 - 8 Cửa Đông môn.
 - 9 Cửa Đông-tràng an.
 - 10 Cửa tây tràng an.
 - 11 Chờa khảm sơn.
 - 12 Điện Tinh lang.
 - 13 Điện Giảng vũ.
 - 14 Trường Hồ-thi.
 - 15 Trường Quốc tử giám.
 - 16 Phủ lý Phụng thiên.
 - 17 Tháp báo-thiên.
 - 18 Phủ Trịnh vương.
 - 19 Tòa Tư thiên-giám.
 - 20 Huyện lý Thọ xương.
 - 21 Điện nam giao.
 - 22 Huyện lý Quảng đức.
 - 23 Ngọc-hà
 - 24 Cửa Bảo khánh
 - 25 Bãi Cơ-xá.

Thành Thăng-Long

có sân rồng gọi là Long-tê. Phía sau điện Càn-nguyên lập ra điện Long-an và điện Long-thụy, có hai cung gọi là Thủy-hoa và Long-thụy, để cho các cung-lần ở. Có kho tàng và miếu thành-hoàng. Xung-quanh thành có bốn cửa: Cửa Nam ở đằng trước gọi là Đại-hưng môn, cửa Đông gọi là Tường-phù môn, cửa Bắc gọi là Quảng-đức môn, cửa Tây gọi là Diệu-đức môn. Ở trong thành còn lập ra chùa Thiên-ngự, chùa Vạn-tuế và cung Thái-thanh để thờ phật nữa.

Tháng tư mùa hạ năm Nhâm-tí (1012) có sửa lại điện Long-an và điện Long-thụy.

Tháng mười năm Giáp dần (1014) có đắp lại thành đất của thành Thăng-long.

Tháng sáu mùa hạ năm Kỷ-Ty (1029) niên hiệu Thiên-thành thứ hai đời Lý Thái-tông bỏ điện Càn-nguyên, lập điện Thiên-an, hai bên tả hữu có hai phai điện gọi là Tuyên-đức và Dĩnh-phúc, phía đông phía tây lại lập hai điện gọi là Vạn-minh và Quảng-vũ, có gác chuông phía trước lập điện Paung-tên, phía sau lập điện Trường-xuân, bắc bờ xây tường gọi là Long-thành.

Đến mùa xuân năm sau (1030), lập điện Thiên-khánh để làm nơi thính chính, kiêu làm nổi bát-giác, trước sau đều có cầu gọi Phụng-Hoàng kiêu Đập thành nội gọi là thành Long-phượng.

Năm Ất-tị (1126) Thiên-tử hú Duệ-võ thứ 7, lập điện Sung-dương.

Năm đinh vị (1128) Thiên-thuận nguyên niên, lập cung Cảnh-linh.

Năm Ất-hợi (1155) Đại-dinh thứ mười sáu, lập cung Lệ-thên.

Tòa soạn và ty Trị-sự của Tri-Tân

Để tiện tiếp các bạn mỗi khi có việc giao thiệp với Tri-Tân, Tri-Tân, từ nay, hợp Tòa soạn và ty Trị-sự vào một chỗ. Ở 195, Phố Hàng Bông là nội. Vậy xin các bạn nhớ cho. Đa tạ Thư và ngân-phiếu, xin cứ theo địa chỉ trên, gửi cho ông Nguyễn tường-Phượng. — J. T.

SỬ-LIÊU SONG

Dưới tay Ích-Khâm tướng-quân, toán giặc Hoàng-sùng-Anh bị thui sống trong hang đá

NIÊN-hiệu Tự-đức thứ 22 (Kỷ-ty, 1869), có nhiều giặc Tàu sang nước ta, trong số ấy có giặc Ngô-Côn là lợi hại hơn cả.

Tướng Ngô Côn cùng hai tùy-tướng là Hoàng-sùng-Anh và Lưu-vĩnh-Phúc kéo quân lên hạ thành Bắc-ninh. Triều đình sai Tiểu-phủ sứ là Ông Ích-Khâm sang phản-công, tỉnh Bắc-ninh, lấy lại được thành. Ngô Côn bị tử trận, còn hai tùy-tướng là Hoàng-sùng-Anh và Lưu-vĩnh-Phúc bỏ chạy lên miền thượng-du, hoành-hành tàn-pha, dân gian rất cực khổ!

Sau quan Tuần-phủ Hưng-hóa dụ được Lưu-vĩnh-Phúc ra thú. Còn Hoàng-sùng-Anh (lấy hiệu Cờ-vàng) không chịu ra thú, nên Ông Ích-Khâm phải tiến tiểu và nghĩ mưu mới phá được.

Trước hết ông sai dân đưa biếu nó trâu, bò, gạo, rượu, gà, vịt... Nhân đói khát lâu ngày, nay lại có những món ăn ngon, quân giặc mới họp lại ăn tiệc ở trong một hang đá, thuộc Đoan-hùng, Hưng-hóa.

Nhưng, trước khi giặc đến hang ấy, Ông Ích-Khâm đã ngầm sai đặt dầu, củi và thuốc súng rải nhiều. Rồi, nhân khi quân giặc no say, quân Triều-dinh ập đến bắn súng vào các thư dẫn hoa; thuốc súng bắt lửa, nổ cháy. Hầu hết quân giặc bị chết trong hang, chỉ có một tên ty tướng Cờ-vàng (tên này mình cao 12 thước, ta, hung-han, rất thương, hay bắt dân giết mà ăn thịt) và ít quân chạy được. Nhưng sau quan Tuần-phủ Hưng-hóa lại sai viên cai-đội là Nguyễn-dinh-Trạc đem thú-hạ chui qua rừng, trèo núi, theo mãi đến Lai-châu, mới bắn chết được.

Sau trận hỏa công này, Ông Ích-Khâm được vua Tự-đức ủy-lạo, viên cai-đội Nguyễn-dinh-Trạc được thưởng 12 lạng bạc và thăng hàm ngũ-phẩm cai-đội. Tiên-Đàm

Trước khi âu-hóa, viết văn đã có nhiều cái âm-hợp với pháp-văn

Tiếp theo trang 2

những món cổ-hữu của văn viết. Gần đây người ta đặt «sa-mạc nhớ thương», «cạn chén cay đắng»..., chẳng qua chỉ là suy rộng những cái cổ-hữu của văn ta.

Viết-văn ! Một món quốc-bảo của chúng ta ! Nó có nhiều cái đặc-sắc và sở-trường chẳng kém gì văn tàu, văn pháp. Cứ cố rèn-luyện cho nó tiến theo thời-gian, tôi tin, nó sẽ có thể đem lại cho ta những kết-quả rất tốt-đẹp, rất rực-rỡ.

Cống-việc gây-dựng quốc-văn ấy đương và sẽ chất trên vai chúng ta cùng con cháu chúng ta. (1)

HOA-BẮNG

(1) Trong bài này có mấy danh từ về văn học, tôi cứ đề nguyên văn chữ pháp, chứ không viết theo những tiếng tàu đã dịch, là cốt đề tiện việc so sánh và để độc giả đọc đến thì thấy nghĩa ngay.

Tùy bút

Tiếp theo trang 4

hoa, cỏ, nước non, là cảnh, vật, người, chung quanh ta. Bút, mực tung-hoành, ghi lên trang giấy, bài văn có giá-trị hay không, vui hay buồn, thâm-trầm hay nông-nổi, là do ở ta cả. Đừng đổ tại bút cùn, mực cạn !

Tóm lại, tạo-vật đẹp thì có đẹp thật, nhưng vốn vô-tình. Lãng-dam đến tàn-nhẫn. Thế cho nên khi ở nhà hay đi du-lịch, dù ở xứ nóng hay xứ lạnh, trời nắng cũng như trời mưa, nhiều tiền hay ít, ở hoàn-cảnh nào, gặp trường-hợp nào cũng vậy, cái ý nghĩa cuộc đời, cái thi-vị cuộc sống, không phải tìm ở đâu xa : chính ở trong lòng ta vậy.

Hội-Thống, VŨ-VĂN-LỢI

Dai-thoại làng văn

I. - «Tướng» đối với «Công»

MỘT Công-tử nọ, con một vị Tướng - quân đã quá cố. Tiền bạc tuy giàu nhất vùng, mà văn - tự thì lại nghèo hơn ai hết. Song, nghề đời, anh nghèo rớt thườn hay làm ra vẻ giàu sụ, nên Công-tử con quan Tướng - quân đây thường muốn làm ra vẻ văn nhân.

Một hôm, Công-tử cố nghĩ lấy một câu đối để thờ mẹ. Vế trên đã xong, ngâm nga kêu như chuông. Công-tử dương dương tự đắc lắm! Vế dưới còn đang đợi « yển-sĩ phi lí thuần ». Mới xong bữa cháo sáng và bữa cơm trưa.

Lối bốn giờ chiều. Có một người, quần áo cũ kỹ, vải trắng cháo lòng, the thâm nước rửa, khăn lượt sồn, ô trắng rách, bước vào ngõ, nói là học trò nghèo, quê xa, tiền lưng hết, đánh bạo vào xin Công-tử giúp cho một độ đường. Công-tử đồng dục nói :

— Thầy bảo là học trò, phải không? Đã vậy, ta ra cho một vế câu đối, nếu đối được trình, sẽ cho năm quan tiền. Bằng không được, ta sẽ sai gia-tướng đuổi ra khỏi ngõ. Nghe!

Dạ, chúng tôi xin đối được ạ.

— Ừ được.

Công-tử đằng hắng, đầu lắc lư, làm bộ nghĩ ngợi rồi ngâm rằng :

« Mệnh mẹ muôn năm cửa Tướng ».

Tiếp luôn :

— Đối đi « Mệnh mẹ ... »

— Xin đối với : « Mồ cha ... »

— Ừ được đấy... «muôn nam.. »

— « Chín kiếp... »

— Hay ! Hay !... « Cửa Tướng »

— « Nhà Công ».

— Hay ! Hay quá ! Giỏi đấy : « Tướng » đối mấy « Công » thì hay tuyệt !

Công-tử gọi gia-nhân inh ỏi, sai đem năm quan tiền ra thưởng thầy đồ, và sai pha trà đề thiết.

Thầy đồ đón năm quan tiền, vái dài, cáo từ, nói đường xa và giới đã chiều rồi, xin cho đi.

Thầy đồ ra khỏi ngõ, Công-tử lên cao giọng ngâm :

« Mệnh mẹ... muôn năm... cửa Tướng ! »

« Mồ cha... chín kiếp... nhà Công ! »

Vỗ vế độp một cái, Công-tử nhảy lên, hét :

— À thằng này nó chửi mình ! Đồ sỗ lá ! Chúng bay đâu, chạy theo lời cổ thằng đồ ban nãy vào đây cho tao / Mau !

Gia-nhân dạ ran, chạy tới tấp. Song thầy đồ đã cao chạy xa bay, không thấy hút đầu nữa.

KHÓA - HÓC thuật

II. - Yên-Đồ tắm sông

Hồi còn nhỏ, ông Tam-nguyên Yên-Đồ cùng theo học cụ nghệ Lý (Vĩnh-trụ, Nam-sang) ở làng Trình-phổ (Thái - bình) với hai anh em ông Bùi-Viện và Bùi-Phủng. Thường thường chiều đến, anh em rủ nhau ra con sông đầu làng tắm. Hôm ấy đã về cuối thu, tiết trời hơi lạnh. Khi lên, mặc quần áo, ai nấy đều rét run, mỗi lần bắt và đầu gối chạm vào nhau.

Anh em họ Bùi đọc :

Quần tử nấu hình rung dip

gót.

Ông Yên-Đồ tiếp luôn :

Trượng phu thục chi gây đàn mồi.

Sau đó ông chỉ mọi người :

— Kia Từ-Thứ.

Ai nấy đều ngạc nhiên vì chỉ thấy ở bờ ruộng một ông lão ăn mày đi đại-tiên mà bị gây đề ở trên đường.

Ông cười, tiếp :

— Hẳn chả sả « bị » chi « tháo » (bỏ bị đi tháo) là gì ???

BẢO - VÂN thuật

Tạp trở

Mua óc người còn sống

NHÀ thông-thái Mỹ, Malcolm Coffrey, chuyên môn khảo-cứu về các trọng-tội và các án mạng, vừa sang chơi châu Âu để tìm các bộ óc dung dị của các sát nhân nổi tiếng.

Việc lạ-lùng nhất là nhà thông-thái đó đã bỏ ra một món tiền rất lớn để mua bộ óc của tên tội-nhân Silvestre Matuska người đã bắn cốt mìn vào những đoàn xe lửa và đã gây ra biết bao án mạng thảm-khốc.

Tên tội-nhân đó đã thành điên, nên cái án tử-hình của hắn đã được dời ra án khổ-sai chung thân.

Nhà thông-thái tò-mò muốn có bộ óc của hắn để rộng đường khảo-cứu, nên đã ký bản giao kèo mua trước khi hắn chết. Ông sẽ phải đợi không biết bao nhiêu năm nữa mới được bộ óc của tên phạm-nhân đó vì hiện nay hắn còn sống.

Thật tính hiếu-học của nhà thông-thái ấy đáng kính biết bao nhưng ông quả là một người cầu kỳ !

(Police Magazine)

MANH PHAN dịch

Số 4

PHÁC SƠ VỀ MEO TIẾNG TA

(Dạng - bản văn - pháp)

ĐÀO-DUY-ANH

T IẾNG việt sở dĩ thích mượn chữ hán hơn tiếng pháp, nguyên nhân thứ nhất là vì tiếng việt cũng thuộc về loài đơn âm như tiếng trung-hoa.

Những tiếng mượn ấy tuy là ráp theo qui pháp của tiếng việt song những tiếng kết hợp thì vẫn theo nguyên-tắc của chữ hán. Vì số tiếng mượn ở chữ hán mỗi ngày một nhiều, nay có lẽ chiếm đến non phần nửa của tiếng việt nên trước khi bàn về văn pháp tiếng việt ta nên nhắc qua nguyên tắc kết hợp của chữ hán, để sau này ta khỏi lấy làm lạ khi thấy trong việt-ngữ có hai cách kết hợp khác nhau.

Nguyên tắc chung có thể thích dụng cho mọi ca là :

Khi nào chữ này định nghĩa cho chữ kia thì chữ định nghĩa phải đặt ở trên, nguyên tắc ấy trái hẳn với nguyên tắc tiếng việt là chữ định nghĩa khi nào cũng ở sau.

Ca thứ nhất — Tiếng gồm hai tiếng chỉ tên như : *thế sự* 世事 thì thế là định nghĩa cho sự ; nếu dịch sang tiếng việt thì phải nói : việc đời, đời là định nghĩa cho việc.

Nhân tâm, nhân định nghĩa cho tâm, dịch sang tiếng việt là lòng người người định nghĩa cho lòng.

Ca thứ hai — Tiếng gồm một tiếng chỉ tên, hay một tiếng thay tên và một tiếng chỉ tính, hay

một tiếng hành động.

Chữ hán	tiếng việt
đại sự	việc lớn
tiểu nhân	người nhỏ
chính phu	người đi xa

Ca thứ ba — Tiếng gồm một tiếng chỉ tính hay một tiếng hành động với một tiếng bổ nghĩa :

Chữ hán	tiếng việt
Thậm tệ	Tệ lắm
Tạm trú	ở tạm

Ca thứ tư — Tiếng gồm một tiếng hành động với tiếng thay tên (giả 者).

Chữ hán	tiếng việt
Tác giả	người làm
Thuyết giả	kể nói

Ngoài ra khi nào một tiếng kép gồm hai chữ cân nhau hoặc có nghĩa giống nhau hay trái nhau thì hai chữ gồm có một ý đơn thuần. Ví dụ :

Đạo đức
nhân nghĩa
hành vi
khinh bạc
trường cửu

Cũng có khi thứ tự hai chữ đảo lộn được mà không đổi nghĩa. Ví dụ :

Điên đảo
Đảo điên

Những vấn-đề chất chính cùng các bức tảo nhã trong nước.

1.) Về văn pháp tiếng việt, ta có thể phỏng theo những phạm trù văn-pháp của các thứ tiếng phương Tây được không ? — Chia tiếng việt ra 11 phạm-loại

như trên có thích đáng không ?

2.) Hiện nay ta có đủ điều kiện để kết luận vấn đề « cỗi rễ tiếng việt chưa ?

(Tôi rất mong ông Đào-Trọng-Đủ ở Pnom-penh là người đương tủy tâm vào vấn-đề này, có tiện thì cho chúng tôi được hưởng ít nhiều ánh sáng của ông).

CHƯƠNG II

Luận chung

Tiếng kêu và lời nói

Kêu và nói : Người ta cũng như động vật, thường phát biểu cảm giác và tình tình bằng tiếng kêu. Có khi là tiếng thuần túy, như ô ! á ! ếp ! Có khi là những lời nói như *khoan ! chuyện ! gớm ! thôi !* Nhiều khi những tiếng nói như thế dùng lâu rồi thành tiếng kêu, như *cha ôi !* biến thành *chao !*

Tiếng nói là những dấu hiệu của ý-tưởng, có khi là tiếng đơn như *bàn, ghế*, có khi là tiếng kép như *cán bút, lọ mực*.

Đơn âm và đa âm. — Bản tính của tiếng việt là đơn âm, nghĩa là mỗi tiếng chỉ có một âm, cũng như tiếng tàu, tiếng Lào, tiếng xiêm, tiếng diên-diện v. v... Nó khác với tiếng đa âm là không có phép biến hóa, trong những tiếng kép các tiếng đơn vẫn giữ nguyên âm và nguyên nghĩa, còn ở các tiếng đa-âm thì tiếng kép gần nhiều yếu-tố dính trết nhau, mà trong ấy chỉ có một yếu tố chính là giữ nguyên nghĩa còn các yếu-tố khác thì mất hẳn giá trị độc lập.

Tuy nhiên trong tiếng việt cũng có ít nhiều tiếng vốn là đa âm, vì mỗi âm đứng riêng thì không có nghĩa gì, phải đứng chung vào một tiếng thì mới có nghĩa, ví dụ :

Bảng khuôn, ông eo, lời thối, lách cách, v. v.

Phần nhiều những tiếng ấy tượng hình hoặc tượng thanh.

Âm và giọng. — Vì tiếng việt mỗi một tiếng chỉ có một âm mà số âm dùng để nói lại có hạn. cho nên người ta đã phải dùng một âm mà nói nhiều tiếng ; nhưng muốn tránh sự nhận lầm lời nói, người ta phải dùng nhiều giọng khác nhau để có thể biến hóa một âm thành nhiều hình thức, bởi thế tiếng việt cũng như tiếng tàu, mỗi tiếng có nhiều giọng (thanh). Ví dụ âm *mà* là âm chính ta thường gọi âm bằng, vì nó là kết quả của một sự phát âm bình thường. Tùy theo giọng cao thấp nó có thể biến hóa theo năm hình thức nữa là :

mà, má, mạ, mả, mã. Mỗi hình thức ấy có một nghĩa riêng. Cũng có âm chỉ biến hóa theo hai hình thức, ví như :

*bách, bạch
nát, nạt*

Song cũng có nhiều hình-thức biến hóa của các âm không dùng trong tiếng nói, ví dụ :

Về âm *tơ* thì tiếng nói chỉ dùng những hình thức :

tơ, tờ, tở, tợ còn *tử, tử* thì không dùng.

Chữ và dấu. — Muốn ghi âm người ta dùng chữ. Không rõ đời xưa tổ tiên ta có một thứ chữ riêng không. Dấu sao từ bắt đầu cuộc Bắc-thuộc thì tổ tiên ta không có thứ chữ gì cả. Sĩ-Nhiếp là người có công nhất trong cuộc truyền bá chữ hán cho ta, đã dùng chữ hán làm gốc để đặt ra một thứ « chữ nôm ». Xưa kia các nhà học giả ta, từ Hàn-Thuyên ở đời Trần, vẫn dùng để ghi chép tiếng việt.

Cách đặt chữ nôm đại khái có bốn phép là :

1° Dùng chữ đồng âm đồng nghĩa trong chữ hán viết, có thể gọi là phép đồng âm nghĩa :

bàn 熬
cấp 級
đồng 銅
oán 怨

2 Dùng chữ hán viết có âm tương tự, và thêm ở bên vai một cái nhấp nháy, có thể gọi là phép loại âm.

ở 於
ấy 意
may 枚
con 下

3° Dùng hai chữ hán ghép lại với nhau, một chữ để biểu ý, một chữ để biểu âm, có thể gọi là phép hình thanh. Ví dụ :

áo 澳 nước 渚
mảnh 捰 nên 輒

Phép hình thanh này thông dụng hơn cả.

4° Sau hết còn một phép hội ý, nghĩa là dùng hai chữ hợp lại để biểu thị ý nghĩa của tiếng nói, song chỉ thấy dùng về chữ trời 天 mà thôi.

Chữ nôm đầu có qui tắc ấy, nhưng vì trong chữ hán có nhiều chữ đồng âm, cho nên cách viết không được nhất luật. Song các khuyết điểm ấy thì dấu chữ tàu cũng có thường chứ chẳng gì một chữ nôm.

Những giáo sĩ người Âu-châu truyền giáo Gia-tô ở nước ta vào khoảng đầu thế kỷ 17 thấy chữ nôm có nhiều khuyết điểm, họ đã khó (vì phải thông chữ hán mới biết chữ nôm) mà lại dùng không tiện, cho nên họ lấy chữ cái la-tinh mà đặt ra một lối chữ riêng để biên những sách giáo-lý vấn-đáp và sách cầu-nguyện bằng tiếng việt. Buổi đầu mỗi người đặt chữ theo một cách riêng, đến sau dần dần hợp nhất.

Trước hết có hai người giáo-sĩ Bồ-đào-nha là Gaspar de Amaral và Barbora làm hai quyển tự-vựng Annam-Bồ-đào-nha và Bồ-đào-nha-Annam. Song những sách ấy không in. Sau có giáo-sĩ

Thông chế PÉTAIN đã nói:

« Có khi một người dân quê
« Pháp thấy đồng ruộng mình
« bị cơn mưa đã phá hại. Không
« hề thất vọng về mùa gặt nay
« mai, và vẫn một lòng tin tưởng
« như xưa, người ấy lại làm
« luống đề reo hạt giống mới »

Alexandre de Rhodes người Pháp (đến Trung-kỳ năm 1624 và Bắc-kỳ năm 1626) truyền giáo ở nước ta trong 7 năm, có soạn một bộ tự-vựng Annam — Latinh — Bồ-đào-nha (xuất bản ở La-mã vào khoảng 1651) là bộ sách bằng chữ quốc-ngữ in đầu tiên. Sách ấy làm tiêu biểu cho tình trạng tiếng việt 300 năm về trước.

Trong khoảng 200 năm không thấy có sách gì bằng quốc ngữ xuất bản. Mãi đến cuối thế-kỷ 18 mới có chủ-giáo d'Adran thảo một bộ Tự-điền Annam Latinh, nhưng làm gần xong thì chết. Sau nhờ có chủ giáo Taberd tiếp tục và tăng bổ mà bộ tự-điền ấy xuất bản được (ở Ấn-độ). Theo giáo-sĩ A Cadière khảo cứu thì chữ quốc-ngữ như ngày nay là do chủ-giáo d'Adran sửa sang lại.

Kể đó ở Bangkok (sau khi đức Cao - hoàng cùng nhiều người Nam tránh nạn ở Xiêm), các giáo-sĩ mở một nhà in, in sách quốc-ngữ. Từ đó chữ quốc-ngữ thịnh hành trong giáo-hội, dần dần phổ cập trong dân gian. Khoảng năm 1873-1890 ở Nam-kỳ đã nhiều người biết. Ở Bắc và Trung thì ở khoảng năm 1895-1905 đã thông dụng.

Còn nữa

Hộp thư

Ô. Thạch-hồ-Khách (Mỹ-tho). — Đã tiếp được thư của tiên sinh. Rất mong tiên sinh gửi ra cho xem bản dịch Đ. V. C. T. Cảm ơn trước. — H. B.

TIẾT NĂM

Những lời văn văn trung-hoa thuộc trong phạm-vi văn-học nam-việt

Xưa kia, người mình học chữ tàu, công nhận văn tàu như của «sở hữu». Các tác phẩm của các cụ hầu hết viết bằng văn tàu cả.

Đối với thứ văn «an-nam hóa» đã hơn 2 nghìn năm đó, ta nay há lại không nên để tâm nghiên cứu cho biết cội rễ nó ư?

Cũng như quốc văn và văn các nước khác, văn tàu gồm có hai lối: văn vần và văn xuôi.

Văn xuôi tàu không phức-tạp và nhiều lối bằng văn vần. Văn-thể nó cũng giống văn nôm ta xưa, chắc nhiều người đã biết; tưởng không cần phải giới thiệu ra đây.

Còn văn vần tàu? Đã nhiều lối, lắm thể, lại chiếm một địa vị quan trọng trong văn giới ta. Vì từ khi Hán-Thuyền phát cơ liên phong trên dân quốc-văn đến giờ, các thơ, phú nôm làm theo lối tàu đã nghiêm nhiên thành một hạng con lai trong làng văn nam-việt. Nó nhuần thấm trong óc nhà văn ta, nó thêu nên những bức tranh hoặc cảm động, hoặc mơ màng, hoặc hùng tráng khiến cho nhiều người đã phải vì nó mà ngây ngất, mà phấn khởi, mà dào-dạt cõi lòng.

Lối văn vần đó tôi kêu là «văn vần lai tàu» để phân biệt với «văn vần tổ truyền» như lối ca-dao hoặc lối lục bát hoặc lối lục bát giãu thất của ta và phân biệt với «văn vần lai tây»

tức lối thơ mới bây giờ.

Lối «văn vần lai tàu» này nó đã lập được nhiều công-lao trong thời dĩ vãng; ta không nên phụ. Vậy nay nghiên cứu vấn đề này tưởng cũng là một việc cần làm trong phạm vi Việt-nam văn học sử.

I) Ca. — Những bài ca như Nam - phong, Khánh - vân, Nguyên - thủ, Ngũ-tử đều là những bài ca tối cổ trong làng văn-văn trung-hoa.

Bài ca Phụng hê, bài ca Ninh-thích (1) và bài ca Dương Châu (2) đều đơn sơ, mộc-mạc, có vẻ cổ phong.

Hạng-Vũ, khi bị vây ở Cai-hạ, phần cảm-khái cái bước anh-hùng mặt lộ, phần thương tiếc quyền uyển mỹ-nhân Ngư-cơ, có làm một bài ca, tuy chỉ vắn-vắn có bốn câu, 28 chữ (mỗi câu 7 chữ), nhưng rất hùng, rất bi-tráng.

Hán Cao - Tò (Lưu Bang), cũng tỏ được cái khí-cốt hào-hùng, diệt Tần, phá Sở trong bài ca Đại-phong.

Bài ca Sắc-lạc của đời Hán được nhà học-giả Lại - sơn - Dương rất yêu khen: «Chỉ có 27 chữ, vậy mà gồm đủ cả lối tam ngôn, tứ ngôn, thất ngôn; lời văn lại có vẻ như mây, gió.»

Trong tập Sở-từ của Khuất-Nguyên, chí-sĩ kiêm thi-sĩ nước Sở, cũng có nhiều bài ca, như bài Sơn-quỉ chẳng hạn. Chính Tư-Mã Thiên, một nhà sử-học đời Hán, đã phê-bình về lối văn dẻo-dắt lâm-ly ấy của Khuất rằng: «Văn gọn-gàng, lời sâu nhiệm».

Bài Trường hận ca của thi-sĩ Bạch - Cư - Di tuy gọi là ca,

nhưng cũng làm như lối thơ thất ngôn. Bài ấy dài lắm! Một bài có tới 120 câu, mỗi câu 7 chữ, cộng thành 840 lời. Suốt bài tác-giả thay đổi đến 31 khổ vắn, cả bằng lẫn trắc xen nhau. Văn viết một hơi rất mạnh!

II) Thơ. — Muốn khảo về thơ, phải dò đến bộ Kinh-thi là một tổng tập thi ca đời xưa của Tàu. Nội dung kinh Thi chứa những câu ca, bài hát ở

Thử viết

Số 6

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BÀNG

nơi thôn dã, chốn triều đình. Tất cả có tới 300 bài, đại để là lối tứ ngôn cả. Tự trung thịnh thoả cũng có một đôi câu hoặc ba, hoặc năm, hoặc sáu, hoặc bảy, hoặc tám, hoặc chín chữ xen vào trong khoảng những câu tứ ngôn, song đó là số rất ít.

Thơ tứ ngôn là một lối phổ-thông từ cuối đời Thương tới giữa đời Châu. Phần nhiều là những bài ngắn, nhưng cũng có bài một chương dài đến 22 câu như bài Na trong Thương-lục.

Theo lối tứ ngôn này, thì dễ đặt thành câu, nhưng khó bề biến hóa ngang dọc được. Vậy nên, theo trình tự tiến hóa của văn học, tự nhiên thơ phải tăng số chữ trong câu lên.

Lối thơ ngũ ngôn phát

nguyên từ đời nào? Có nhiều thuyết khác nhau:

Mao-nhất-Tương nói: «Thơ ngũ ngôn phát nguyên từ Quốc-phong (trong bộ kinh Thi), mở rộng ở Ly-tao, tỏ sáng ở Tò, Lý, thịnh đạt ở Tào, Lưu...»

Nghiêm-Vũ nói: «Thơ ngũ ngôn mở đầu từ Lý-Lăng. Vì lối thơ ấy hưng thịnh ở đời Hán, nên mới gọi là cổ thi».

Nhưng, trái với hai thuyết

theo luật.

Theo Hộ-ưng-Lân, thì lối thơ này gây ra từ đời Tề, Lương, rồi cực thịnh ở đời Đường.

Trầm - Quy - Ngu cũng cho rằng: Về lối ngũ ngôn luật, bọn Hà Tồn, Dũ-Tin, Từ-Lăng mở-mang đường-lối; đến các nhà thơ đầu đời Đường... thì chế-tác đã đầy-dủ lắm.

Thơ thất ngôn có hai lối: cổ phong (thất ngôn trường cổ thiên cũng thuộc lối này) và luật thi (thất ngôn tuyệt cú cũng thuộc lối này).

Lối thất ngôn cổ-phong có thể viết dài không cần câu đối. Những bài Tương tiễn tửu, Trường hận ca, và Tì-bà hành v.v. đều làm theo lối ấy cả.

Trước kia, thơ không có luật. Thi-nhân có thể tùy ý phô-diễn tình-tình và tư-lượng bằng một ngòi bút tự-do. Mãi đến đời Nam, Bắc-triều mới nảy ra cái lối thơ có luật. Dần dần đến đời Đường thì lối thơ luật đó được thành-lập, một cách chắc-chắn và càng ngày càng thịnh-hành. Vì vậy, người sau mới kêu là lối Đường luật.

Luận về lối thất ngôn luật, Cao-Lê có nói: «Thất ngôn luật thi lại là biến-thể của thơ ngũ ngôn. Trước đời Đường, lối thất ngôn lệ-cu của Trầm-quân-Du đã nhóm gây luật-thể rồi. Đến đầu đời Đường thì mới chuyên luyện lối thơ ấy...»

Chí - Ngu viết trong «Văn-chương lưu-biệt» rằng: «Thường thường cổ-thi đều làm theo thể tứ ngôn, thỉnh thoảng trong khoảng tứ ngôn, mới xen vào một hai câu hoặc tam ngôn, hoặc

ngũ ngôn, hoặc lục ngôn, hoặc thất ngôn, hoặc bát ngôn, hoặc cửu ngôn. Đời sau mới suy-diễn ra làm thành bài. Lối ngũ ngôn, thất ngôn phần nhiều dùng ở trong bài nhạc, bản bát của phái trào bát», (Nghệ-văn loại-tu, 56).

Từ tứ ngôn đến thất ngôn, thơ tàu đã trải qua những bước lịch trình khá dài. Để giúp cho công việc khảo cứu được rộng thêm, tôi xin dẫn lời của nhà học-giả Cổ-Thực:

«Tứ ngôn, phải cái đặc và trệ! Thêm một chữ vào, làm ra ngũ ngôn, thì thấy trôi chảy và đẹp dễ ngay. Thêm vào ba chữ thì lại tỏ ra trôi chảy hơn, đẹp-dễ hơn nữa. Lại từ một mặt khác mà xem, thì ngũ ngôn là lối thơ trết trung cái hình thức của hai lối thơ Nam, Bắc và có tính chất phổ thông. Đời thượng-cổ, lối thơ tứ ngôn của phương Bắc đã thường thường có thêm số chữ lên rồi. Lối đặt câu trong những bài phú của nước Sở ở phương Nam lại nhiều danh từ, ít động-từ, giá cứ bỏ chữ «hê» trong những câu đặt từ năm chữ trở lên, thì tức là thơ ngũ ngôn, thơ thất ngôn đó. Vậy thơ ngũ ngôn được ra đời, có thể nói, là dựa theo sự tiến bộ của thời thế và là cái khối đúc lại hình-thức hai lối thơ Nam, Bắc.

Còn nữa

(1) Ninh-thích chôn trúa, ca một bài để tỏ tâm-sự mình, liền được Tề-Hoàn cất dùng. (2) Dương-Châu làm giùm Quý-Lương, bạn mình, một bài ca để khuyên-giải các cơn của Lương đừng than khóc và đừng chạy thụt trong khi Lương đau nặng.

TUẦN LỄ NGOẠI-GIAO

TRONG vòng tuần-lễ vừa qua, cõi Viễn-Đông là nơi căn-cứ của một cuộc ngoại-giao rất hoạt động. Ngoài ra, thế-giới chú-ý đến Luân-đôn là nơi mới ký hợp ước Nga-Ba lan, đến Helsinki là nơi chính phủ Phần lan đã quyết nghị việc tuyệt giao với Anh, đến Caire là nơi mới có cuộc hoán cải trong nội-các chính phủ.

Về khu Đông Á, các nhà ngoại giao các cường quốc thế giới đều đề ý đến xứ Đông-Dương. Ngày 29 juillet 1941, tại Vichy, Đô-Đốc Darlan, thay mặt chính phủ Pháp và Đại sứ Sotomatsu Koto, đại diện Nhật Bản, đã ký một hiệp ước Pháp Nhật tương trợ trong cuộc phòng thủ Đông-Dương. Hiệp ước này tóm tắt hợp ước đã ký ngày 30 Aout 1940 do ông Baudoin, nguyên ngoại-giao tổng trưởng, làm đại diện Pháp.

Nước Nhật Bản cam đoan giữ nhời hứa trước là tôn-trọng quyền Pháp quốc trên đất Đông Dương và giữ nguyên vẹn lãnh thổ thuộc địa Pháp ở Đông-Á.

Tại Hoa-kỳ, Anh, Nam-Dương Quần-Đảo, đã thực-hành nhiều phương-pháp về mặt kinh-tế mục-đích làm cho nước Nhật-bản lâm vào cảnh cô-độc. Nước Anh và các thuộc-quốc dần dần hủy hết các thương-ước hiện đương thi-hành với Nhật. Tài-sản Nhật bản bị tịch-thu tại Hoa-thịnh đồn và Batavia. Chính-phủ Đông kinh cũng trả nhời bằng cách tịch thu tài sản các nước Anh, Hoa-kỳ hiện có tại Đông-kinh.

Trong khi đương thi-hành hiệp-ước Kato-Darlan tại Đông-

Pháp, hình như các nước Anh, Mỹ, Nam-dương quần-đảo đã tỏ thái-độ đối với Đông-kinh.

Nhưng xem ra hai bên đều đề-phòng khỏi xảy ra những sự không hay. Thí dụ Hoa-thịnh-đồn tuy tịch-thu các tài-sản của Nhật, nhưng không hề thi-hành lệnh-luật ấy một cách triệt-đề. Ông Sumner Welles công-bố các tàu Nhật đậu trong các hải-cảng Mỹ sẽ không phải giam-cầm.

Cuộc ngoại-giao giữa hai Chính-phủ Đông-kinh và Nam-Dương quần-đảo mấy tuần lễ nay đã qua nhiều thời-kỳ rất căng. Việc tịch-thu tài-sản Nhật, việc đình xuất-cảng dầu sang Đông-kinh đã tạo nên một tình-thế gay-go, tưởng chừng đến cuộc binh-đao. Nhưng nhờ sự khôn-ngon của các nhà chính-khách Nhật và nhờ sự hiểu nhẽ phải của các nhà ngoại-giao Nam-Dương, mà ngọn lửa chiến-tranh không bùng lên trên mặt Thái-Bình-Dương.

Ngày 1er Aout, Chính-phủ Batavia lại cho mở cuộc điều-đinh kinh-tế với Nhật-bản khiến tình-thế bớt gay-go.

Chính-phủ Nhật-Bản đã xin lỗi

Hoa-thịnh-đồn về việc phi-cơ Nhật tàn-phá chiến-hạm Mỹ Tutila đổ tại Trùng-khánh. Về mặt Hoa-kỳ, tình-thế nhờ vậy cũng bớt căng.

Kiểm duyệt bỏ 5 giòng

Quân-đội

Nhật đồ-bộ lên các nơi căn-cứ Đông-Dương không xảy sự gì.

Hiện nay, Nhật-bản rất hoạt-động về mặt ngoại-giao về kinh-tế.

Một thương-ước ký với Thái-Lan đề đòi gao lấy các hóa-phẩm tổ rằng Chính-phủ Đông-kinh cần các nguyên-liệu và các sản-vật về canh-nông hiện thiếu ở Nhật là một nước chuyên-trọng về kỹ-nghệ.

Tại Âu-châu, hợp-ước Nga-Ba-lan đã ký tại Luân-Đôn.

Sau việc tuyệt-giao giữa Anh và Phần-Lan, các hải-khẩu Bạch-hải bị phi-cơ Anh tàn-phá.

Tại Ai-Cập, trong 17 ghế Chính-Phủ, có 5 ghế thân Anh, cho nên chính-sách Wafd, phản-đối Anh, không có ảnh hưởng.

NHẬT-NHAM

Còn nhiều nhà đại-lý chưa gửi relevé và tiền về giả, mong các Ngài nhớ làm ngay cho. Đa tạ.

TRI-TÂN

Tiếng Anh rất cần trong lúc này. Muốn học tiếng Anh một mình, chỉ nên mua quyển:

MANUEL DE CONVERSATION

EN ANGLAIS, FRANÇAIS et ANNAMITE

Sách tự học tiếng Anh theo cách chóng biết nói

Soạn-giả DƯƠNG-TỰ-NGUYỄN

co bằng tốt nghiệp cao đẳng về tiếng Anh
từng làm giáo-sư về tiếng ấy trong 10 năm

Một quyển sách tự học tiếng Anh tốt nhất, vì đúng giọng, hợp mẹo, dễ học và mau tiến tới

140 trang, giá 0p.60. Cước thường 0p.10. Gửi cho
biệu sách Đông-Tây, 195 phố hàng Bông — Hanoi

NHÂN CUỘC CHIẾN TRANH NGA ĐỨC

Hạ - tuần Juin — Thượng-tuần Aout.

Nga, Đức chiến - tranh đến nay đã bảy tuần lễ ! Tuy chưa phân thắng phụ, nhưng lực-lượng quân Nga đã tỏ ra nao núng nhiều trận trước sức tiến-công mãnh-liệt của quân đội Đức.

Đức đang dự bị tiến-công lần thứ ba.

Theo tin báo hàng ngày, Đức Nga đều huy động quân-đội đến mặt Smolensk.

Cứ như lời thông-cáo của Đức, thì quân-đội Đức đương do hai đường tiến vào Ukraine.

Để phòng cuộc tấn-công sắp tới của phe địch, Nga đã phải huy-động một số lớn quân-đội ra mặt trận và hết sức phòng-thủ kinh - thành Mạc-tư-khoa hồng giữ lấy nơi căn-bản của chính-thể « đỏ ».

Cứ xem tình hình chiến-tranh thì Đức, kẻ thế, cũng đã vào được sâu trong nội-địa Nga rồi.

Như vậy không thể tin lời ca tụng sảng của Jean Zyromski : « Người ta không nên coi thường cái giá-trị vật-chất của quân-đội Xô viết ».

Như vậy không thể tin lời tán-dương hảo của Henri Bidou : « Chính nhờ trong ba năm nội-tranh và ngoại hoạn ấy mà Hồng-quân được đào tạo, được huấn-luyện bởi từng trải về chiến-dấu ».

Nhân Nga nay đương có cuộc chiến-tranh, ta thử đứng mặt khách-quan, liếc mắt ngó qua

mấy nét trọng-yếu trên trang sử-kỷ nước ấy :

Nga tuy là một cường-quốc ngày nay, nhưng trước đây vài trăm năm, nước ấy hãy còn lù-mờ, không được người Âu đếm-xá đến ! Mà ngay cách đây độ hơn 200 năm, trên đường lối Âu-châu, không mấy khi thấy tăm bóng quân Nga đâu cả ! Thế đủ biết Nga là một nước « bị bẹp » ở hồi xưa mặc dầu có tiếng là to xác.

Mãi đến năm 1682, Pierre le Grand, trẻ (uồ), lên ngôi hoàng-đế, hết sức cải tạo lại nước Nga : ép buộc mọi người trong nước phải noi theo quân-chế Âu-tây. Nhưng, đội tân-quân vừa mới thành-lập, thì 8 vạn quân Nga đã đại-bại dưới bóng cờ vua nước Thụy-điền chỉ có một vạn quân !

Sau, nhờ nghị-lực và tài-lược của Pierre le Grand, Nga dần dần trở nên cường thịnh.

Từ năm 1711 trở đi, Nga « hóa kinh con tằm » ăn dần « lá dâu » những nước lân-cận : sén đất của Thổ-nhĩ-kỳ, gặm bản đồ của Ba-tư. .

Năm 1847, người Nga vì lại muốn xâm lấn đất-đại của Thổ, bị liên quân ba nước Anh, Pháp, Thổ đánh cho một trận nên thân, Nga phải kéo về với cái sỉ-nhục bại trận !

Sau trận thua ba nước Anh, Pháp, Thổ này, Nga-hoàng, đối với dân, thật quá thương uy, tổn vọng ! Trước kia dân Nga coi vua như thần thánh, phàm phũng điều nhà vua du-bảo gì

họ đều cảm đầu tuân theo ; nhưng đến bấy giờ, họ chẳng những không chịu phục tòng, lại còn bới lông tìm vết mà chỉ-trích nữa.

Năm 1863, Nga dập tắt được ngọn lửa « cách-mệnh » ở Ba-lan, lại giữ được quyền thống-trị nước ấy mãi cho đến khi gần tan cuộc Âu-chiến trước (1914-1918).

Năm 1904 1905, Nga, sau cuộc chiến bại dưới cái chiếu-khi mới duy-tân của Nhật-bản, phải ký hòa-ước Portsmouth, tiêu hết hùng-uy những thời oanh-liệt.

Cuộc Âu chiến trước, Nga có vào phe với Đồng-minh ; nhưng nửa chừng, vì có nội-biến, nên Nga phải bỏ dở cuộc.

Lénine đánh đổ Nicolas II, lập thành chính-phủ Xô-viết năm 1917

Năm 1920, cuộc nội-loạn kéo nước Nga vào cảnh lầm than !

Sau khi Lénine qua đời (1924), Staline lên cầm quyền chính : Từ năm 1927, lo việc kiến-thiết, thi-hành kế-hoạch năm năm (plan quinquennal). Qua năm 1932, lại làm đến kế-hoạch năm năm lần thứ hai (deuxième plan quinquennal).

Ngọn lửa Âu-chiến hiện-thời bùng cháy. Nga đóng vai « ngư ông » : dớp nửa đất Ba-lan, chiếm nhiều quyền lợi ở Phần-lan... Trước cái dã-tâm ấy, Đức không thể dung túng được.

Nga bị cuốn vào vòng nước xoáy chiến-tranh với Đức. Bàn cờ « tranh hùng » gặp tay địch thủ. Ai được ? ai thua ? cái đó còn phải đợi thời-gian trả lời.

Song-Cối

Đón coi :

Thơ và thán-thế
Bach-cư-Dị

TIN VĂN HẰNG TUẦN

Quốc-tế

Quân Đức áp diệt đ rợc hết các đội quân Nga bị vây ở Smolensk. Ở Ukraine, quân Nga van cố chạy trốn để khỏi bị vây. — Quan Phần lan vẫn tiến ở phía Bắc. — Không-quân Anh-Đức đều rất hoạt động.

Xứ Péron đã nhâu đình chiến với xứ Equateur.

Tổng thống Roosevelt sáp nhập quân Phi luật-tân vào quân-đội Hoa kỳ

Một phái-bộ Nga đáp máy bay sang Nữu ước để mua các chiến cụ.

Đoan đầu đường hỏa xa Mosson ở xứ Côte d'Ivoire đã khánh-thành. Đường hỏa xa xứ này khởi công từ 1939 có ba đoạn dài 150, 100, 110 cây số. Công việc dự đến Juillet 1942 thì hoàn-thành.

Tổng thống Hoa kỳ định đặt một bộ tổng tư lệnh quân-đội M ở Viễn đông

Ông Litvinov, nguyên ngoại-giao tổng trưởng Nga, đã lên đường sang Hoa kỳ.

Mười một chiến hạm Pháp an ở Alexandrette, sau khi lột hết khi-giới, đã đưa đến hai cảng Yumurt do thủy-thủ Thổ-Nhĩ-ky quân-đốc.

Ông Loudon, đại sứ Hòa-lan, tuyên-bố với các nhà báo: Khi cần đến, chính-phủ Nam-dương quần-đảo sẽ hủy hết các mỏ dầu, không chịu để quan địch chếm-cư. Các tàu Nhật-bản đậu trong các

hải-khẩu Úc-châu đều bị thu giấy thông-hành.

Phần-lan tuyệt-giao với Anh.

Tại Lỗ-mã-ni đã hành-hình bảy chiến-binh đã dự vào vụ ám-sát ông Nicolas Jorga, nguyên thủ-tướng.

162 hoa-tiên Mỹ đã ký hợp-đồng một nam đề sung vào việc vận-tải bằng hàng-không cho Anh.

Tòa-án quân-sự Mạc tư khoa đã kết 4 án tử-hình về tội đốt cháy một nơi chứa dầu mỏ.

Đông-Dương

Mười một người dân làng Tân-hương và Tân-lý-tây, thuộc tổng Hưng-nhân (Mytho), can tội giết 7 mạng ở Tân-hiệp ngày 23-11-40 đều bị xử bắn tại Tân-hiệp: Bùi văn Chi, Nguyễn văn Kiêm, Ph. văn Tuấn, Kiều văn Phú, Ng. văn Tịch, Ng. văn Dưa, Võ văn Đậu, Lê v. An, Lê văn Đậu, Lê văn Dận, Bùi văn Trục. Còn Lê văn Huỳnh thì đã chết tại kham Saigon.

Hai Chánh-phủ Nhật và Pháp đã bắt đầu thi hành các điều khoản ở trong hiệp-ước ký ngày 21 Juillet 1941.

Hiệp-ước Pháp-Nhật ấy công nhận cuộc phòng-thủ của Đông-dương ở dưới trạch nhiệm chung của cả hai nước. Theo bản thông-cáo của Chánh-phủ Đông-dương, thì quân Nhật đã đồ bộ ở những nơi cao-cứ ở miền Nam Đông-dương.

Quân Nhật không đồ bộ ở Quảng-châu-loan.

Do nghị-định quan Toàn-quyền ngày 4 Aout 1941, những vi sau này được cử vào Hộ-nghị Liên-bang Đông-dương:

1) Bắc-kỳ. MM. Hồ đắc Đềm, Tổng-đốc: Ha-dong, Nguyễn trọng Tấn quyền Tổng-đốc Bacninh, Trần văn Chương, Luật-sư tại tòa Thượng-thẩm Hanoi, Nguyễn văn Huyền, hội viên vĩnh viễn trưởng Viễn-đông Bắc-cổ, Phạm duy Khiêm, giáo-sư thạc-sĩ tại trường A. Sarraut, Bác-sĩ Vũ ngọc Anh, y-sĩ ở Thái-binh.

2) Nam-kỳ MM. Ng thanh Liêm, kỹ nghệ gia, Trương vinh Tông, giáo sư, J. Lê văn Đức, nghiệp chủ Bác-sĩ Ng. van Thinh, Đốc-phủ-sư Hồ van Trung, Đốc-phủ-sư Lê thanh Long.

3) Trung-kỳ: S.E. Ung Uy, Tổng-đốc Thanh-hoa, S. E. Nguyễn Hy, Chánh án tòa án Kinh-thẩm, MM. Tôn thất Viên Đệ, kỹ nghệ gia, Ung Du, nghiệp chủ, Thân trọng Phước, y-sĩ.

1) Cao-miên: S. E. Chan Nak, MM. Tan Mau, Var Kamel, Nhek Tiou Long, Poy Nglim.

5) Ai-lao: S. A R Tiao Kham Mao, Thao Xou, Thit Pan.

Trường Đại học về khoa-học se mở tại Hanoi.

Thứ sáu sau 15 Aout 1941 nhằm ngày lễ Assomption, nhà in nghỉ 3 ngày liền, Tri-Tân buộc phải nghỉ 1 kỳ. Số 11 sẽ xuất bản vào ngày 21 Aout. Dù thế, các bạn đọc cũng vẫn nhận đủ 4 số trong tháng này. Mong các bạn lượng thứ.

TRI-TÂN

CHEMISETTES - TRICOTS - SLIP - MAILLOT DE BAIN

ĐỦ CÁC KIỂU, CÁC MÀU
RẤT HỢP THỜI TRANG

Mua buôn, xin hỏi hăng dệt:

IPHUC - ILAI

87 - 89, ROUTE DE HUÉ HANOI -- Tél. N°: 974

Chén tân-khổ, nhắp ngon mùi chính-khí

NGÔ TÙNG-CHU

NGÔ-TÙNG-CHU, người huyện Phù-cát, tỉnh Bình-dịnh, vào ngụ tại đất Gia-Định, theo học xử-sĩ Võ Trường Toản tiên-sinh.

Xuất thân thụ chức Hàn-lâm, lần đầu thăng Lễ-bộ tham-tri, rồi Ngô được bổ ký-lục Trấn-bộ.

Sau lại về Lễ-bộ và được cử làm phụ-đạo Đông-cung Hoàng-tử Cảnh, Ngô cố từ chối mà tâu rằng: « Tài sơ, học thiên, len vào hàng văn quan còn sợ chưa vững, huống chi là chức phụ-đạo thì đương sao nổi! » Nguyễn-Vương phán: « Đông-cung là ngôi trụ-nhị (1) của nhà nước. Suy vào hàng sư-phó, phi thanh không xong. Khanh chớ từ chối... » Bấy giờ Ngô mới phải vâng mệnh.

Từ đấy, Ngô hết lòng dạy-dỗ Đông-cung, noi thẳng-thắn không kiêng-nể diên gì, nên Đông-cung cũng phải kính trọng.

Một hôm, nhân giảng Nhạc-lý, Ngô nói: « Người xưa đặt ra nhã-nhạc, tỏ rằng cùng trời đất cùng vui hòa » Hoàng-tử Cảnh nói: « Người xưa đặt ra nhã-nhạc như thế, nên mới cảm-dộng được trời đất và quỷ thần. Nay, khi cúng-tế ở nơi đền-miếu, cứ theo tục bày những trò như nữ-nhạc và hát bội, thật là giáng-luận vô-vị! Có khi lại kéo dài đến cả ban đêm, chẳng hề biết mỏi mệt! » (2)

Lại, một lần, thấy Hoàng-tử Cảnh chăm học, Ngô khen: « Soái-phủ (chỉ Hoàng-tử Cảnh) tay không rời quyển sách, thế thì được ích-lợi lắm ». Hoàng-tử

Cảnh nói: « Hàn Cao-Tổ và Tống Nghệ-Tổ đều là những tay anh-chúa khai-sáng vương-nghiệp. Hàn Cao-Tổ thì nói: « Ta vì lên yên xuống ngựa mà được thiên-hạ, co cấn gì phải dùng đèn thì, thư đàn? » Còn Tống-Tổ tuy đang ở trong quân-thứ cũng không mấy khi rời bỏ quyển sách. Chỉ lấy một việc ấy mà so-sánh hai người, thì thấy họ khác nhau xa lắm ». Ngô nói: « Soái-phủ đã lĩnh-hội được rồi đấy! » (3)

Khi bấy giờ có quan Tham-tri Hộ-bộ là Nguyễn-văn-Mỹ tuy có công theo Nguyễn-Vương, nhưng lúc làm quan thì hay tham-nhũng, thế mà khi mất cũng được thờ vào đền Hiềm-trung. Ngô bèn tâu với vua rằng: « Đền Hiềm-trung đặt ra là cốt để khuyến khích người trung-lương, nay Mỹ là một tham-quan, mà lại đem thờ vào đền ấy, thì còn khuyến người sao được? Vậy xin truất bỏ đi ». Vua cho là nói phải, nhưng không nỡ truất Mỹ vì Mỹ cũng có công.

Tục ở Gia-định bấy giờ hay mộ đạo Phật. Khi đó việc quân

quốc đương bối-rối, công-vụ nặng-nề, nên nhiều người thường hay trốn việc quan đi ở chùa cho được rảnh. Nguyễn-Vương sai Lại-bộ truyền bảo các chùa: hễ nhà sư nào chưa đến 50 tuổi thì cũng phải chịu sai-dịch như các dân đinh. Các quan nhiều ông cứ tâu ra tâu vào về việc ấy, nên vua cũng còn phân vân chưa quyết. Ngô nói với Đông-cung rằng: « Chúa-thượng muốn làm vậy, chính phải lắm. Quân thần đã không ai giúp nên việc gì hay thì chớ, lại còn cứ thêm điều, bàn ngang! Nếu việc ấy thôi đi, chắc bọn tăng đồ lại càng « lộng » hơn trước! Tôi không phải thù ghét gì họ, song cái hại về đạo Phật, Lão lại tệ hơn đạo Dương, Mặc (1), cho nên bắt đắ-dĩ phải nói đó thôi... » Đông-cung cũng cho là phải. Ngô liền dâng sớ bác bọn tăng-đồ, bấy giờ ý Nguyễn-vương mới quyết vậy.

Tháng 5 năm Kỷ-mùi (1799), quân Nguyễn vây thành Quy-nhơn. Trấn thủ Tây-sơn là Lê-văn-Thanh chớ không thấy viện-binh Phú-xuân tới (4), mà lương thực trong thành đã hết, nên cùng các tướng phải mở cửa thành ra hàng Nguyễn-vương.

Sau khi đem quân vào thành, vua Nguyễn đổi lại tên Quy-nhơn làm Bình-dịnh, rồi đề Ngô

Phòng thăm bệnh của

BÁC - SĨ

Nguyễn-hữu-Phiêm

*Chef de clinique des maladies cutanées
et Syphilitiques à l'École de Médecine*

Chữa các bệnh — Chuyên chữa các bệnh ngoài da,
và bệnh dân bà — Có phòng thí-nghiệm thử vi-trùng.

Buổi sáng: 11 giờ đến 12 giờ — Buổi chiều: từ 3 giờ đến 7 giờ

22, Rue des Pottiers (trước cửa đền hàng Trống)

TÉL. N° 15.32

hiệp với Võ-Tánh ở lại trấn thủ.

Năm Tân-dậu (1801), sau khi đã phá tan quân địch và lấy được cửa Thi-nại, thì thành Bình-định lại bị Tây-sơn vây chặt và dày kín lắm! Xem chừng kho lòng phá vỡ được, vua cho người lên vào thành, bảo Võ-Tánh và Ngô-tùng-Chu bỏ thành mà ra. Song Võ-Tánh viết phúc thư, nói rằng: « Nay tinh-binh Tây-sơn ở cả Qui-nhơn. Xin nhà vua đừng lo việc giải vây vội, nên kịp ra đánh lấy thành Phú-xuân còn hơn... » Vua bèn đề Nguyễn-văn-Thành ở lại, đánh nhau với Trần-quang-Điệu và Võ-văn-Dũng. Còn mình thì thân đem đại binh ra đánh Phú-xuân.

Mùa hè, năm Tân-dậu (1801). Sau hai năm bị vây, Ngô đem hết lời trung nghĩa khuyên bảo tướng sĩ, ai ai cũng vui lòng cố sức chiến đấu, chứ không chịu xuống hàng Tây-sơn. Lương thực trong thành đã cạn. Một buổi sớm mùa hè, Ngô đến hỏi kế Võ-Tánh. Võ chỉ tay vào lầu bát giác mà nói: « Ấy kẻ tôi đồ! Tôi là chú tương, nghĩa không nên sống đã đành, chứ ông là văn-thần, thì nên nghĩ lấy kế tự toan... » Ngô cười, đáp: « Lòng trung, ai cũng như ai, chứ cứ gì van với võ? Tướng quân đã chết vì nước, còn tôi há lại không biết chết vì trung hay sao? » Nói

đoạn, trở về, mặc đồ triều-phục, trông lay về cửa khuyết, rồi uống thuốc độc mà tự-lâm.

Võ-Tánh được tin, sắc mặt buồn rầu, nói: « Thế ra Ngô-Công đã đi trước ta một nước rồi đó! » Võ bèn thân đến coi sóc việc khâm-liệm mai táng cho Ngô. Rồi sau đó hai ngày, Võ cũng tự thiêu chết ở lầu bát giác (5). Hôm ấy là ngày 25, tháng 5.

Trong bài văn tế của quan Khâm-mệnh dụ tế hai ông Ngô-tùng-Chu và Võ-Tánh (do Đặng đức Siêu soạn) có câu:

*Sửa mũi áo lay về Bắc-khuyết,
ngọn quang minh hun mắt tấm
trung can.*

*Chỉ non sông giã với Cô-thành,
chén tân khổ nhấp ngon mùi chính
khí.*

Ngô tử tiết rồi, đức Thế-Tổ lấy làm thương tiếc vô cùng.

Ngô không có con, Vua cho một người cháu họ là Ngô-tùng-Hoảng làm kế tự.

Năm Gia-long thứ nhất (1802), Ngô được truy tặng là « Tân-trị công thân, đặc tiến kim tử vinh lộc đại-phu, trụ quốc thái-tử thái-sư quận-công », thụy là Trung-ý và được liệt tự vào đền Chiêu-Trung cùng với Võ-Tánh.

Năm Gia-long thứ 3 (1804), lại được liệt tự vào Hiền-trung-từ ở Gia-định.

Đến đời Minh-mạng, Ngô được da phong là Ninh-hòa quận-công.

NGUYỄN TRIỆU

(1) Cũng như trừ-quân, là dự-bị đề nối ngôi vua.

(2, 3) Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập, quyển 2, tờ 5 — 11.

(4) Nguyên Tây-Sơn ở Phú-Xuân cũng đã sai hai tướng là Trần-quang Diệu và Vũ-văn-Dũng đem quân vào cứu, nhưng mới đến Quang-nghĩa thì gặp đại-binh Nguyễn-văn-Liễn chặn đường, đánh giết, nên không vào cứu thành Qui-nhơn được.

(5) Xin đón coi « Võ-Tánh » ở một số sau.

Da hạn gửi bài thi liệt-sử do Tri-Tân tổ-chức

Tri-Tân có mở cuộc thi liệt-sử (coi thể-lệ ở số 5, trang 10). Nhiều bạn viết thư tỏ ý hưởng ứng nhưng muốn da hạn gửi bài cho được rộng-rãi hơn để có đủ thi-giờ mà khảo-cử thật kỹ-lưỡng.

Chiều ý các bạn, Tri-lân xin da thêm kỳ-hạn: Hạn nhận bài kể từ nay đến 31 Décembre 1911 mới hết. Vậy xin mời các bạn dự thi thật đông cho. — T. T.

SẮP CÓ BÁN

NGƯỜI LỊCH THIỆP

Đặc-san của
QUỐC-HỌC THƯ-XA

Một cuốn sách không ai bỏ qua được.

Một cuốn sách mà ai cũng phải có ở đầu giường.

Một cuốn sách mà ai cũng ưa đọc.

Dày trên dưới 150 trang, bìa hai màu, in mỹ-thuật, giá 0p.55

ĐƯƠNG IN

TÂM NGUYÊN TỪ ĐIỂN

Tinh-hoa ngót 100 bộ kinh
chuyện s từ Việt-Hán

Dày độ 300 trang

Giá 1p.40

BÁN GẦN HẾT

QUỐC SỬ ĐÍNH NGOA

Được dư-luân báo-chí
hoan-nghênh nhiệt-liệt

Giá 0p.50

Thư và mandat đề M LÊ-VĂN-HÒE
16 bis Rue Tién-Tsin — Hanoi

LŨY ĐỒNG - HỜI

Tiếp theo và hết

Nhưng nếu quân Trịnh hùng-mãnh hơn, dưới nước, thủy-quân phá được bức rào ở sông Nhật-Lệ, theo giòng sông ngược lên, phá chiến tuyến bên địch, rồi trợ-lực cho lục-quân: ở trong đánh a, ở ngoài đánh vào, lục-quân có thể vượt qua trường-thủy Đồng-Hới theo đường quan - báo kéo xuống phía Nam. Cách một quãng, có một đồn binh hiểm-yếu, ở giữa thành Quảng-Bình thuộc địa phận xã Võ-xá ngày nay. Đồn binh này là Dinh-Mười, địa-thế rộng tới vài cây số, lại có nhiều quan-phòng-thủ về mặt bắc và mặt nam.

Năm 1648, quân nhà Trịnh đã chiếm được Dinh-Mười và lũy Đồng-Hới.

Tuy vậy, quân họ Trịnh chưa phải là toàn-thắng, chưa chiếm được cả miền Nam, vì phía tây, còn thành Trường-Dục là một cái trở-lực cho việc tiến quân của họ Trịnh về nhất-thống sơn-hà.

Xem như thế thì những cơ-quan phòng-thủ của Đào-duy-Từ rất là kiên-cố. Tuy quân nhà Trịnh thắng được nhiều trận oanh-liệt, nhưng gặp cái đồn-lũy miền Nam, những chiến công ấy đều là công dã-tràng se cát.

Vì vậy họ Nguyễn vẫn riêng biệt một sơn-hà, thành thời ngoài cõi, ấy một phần to nhờ tài thao-lược của Đào-duy-Từ

đã một đời tận-tụy báo đền ơn Chúa!

Kể từ năm Đinh-mão (1627) đời vua Lê-thần-Tôn đến năm Nhâm-tí (1672) đời vua Gia-tôn, vừa 45 năm, họ Trịnh, họ Nguyễn đánh nhau cả bảy 7 lần. « Đinh-mão - (1627) : - Canh - ngo (1630) ; - Ất-hợi (1635) ; - Mậu-tí (1648) ; - Ất-vị (1655) ; - Tân-sửu (1661) ; - Nhâm-tí (1672). mà lần nào hai bên cũng đem toàn lực để chống nhau dưới thành Đồng-Hới: Trịnh thì muốn chiếm mà Nguyễn thì muốn hết sức giữ lũy Đồng-Hới là một nơi kiên cố trong chiến-tuyến miền Nam. Năm 1648, Trịnh-Tráng đã thắng một trận oanh-liệt, kéo quân vào đóng ở Võ-xá, trong thành Quảng - Bình, chiếm đồn Dinh-mười và lũy Đồng-Hới, nhưng chẳng bao lâu, quân Nguyễn lại khôi-phục được địa thế.

Trong 7 trận, họ Nguyễn chỉ ra đánh họ Trịnh một lần, còn họ Trịnh 6 lần đem quân vào miền Nam. Binh-lực họ Trịnh tuy hơn họ Nguyễn, song quân Bắc phải đi xa, mỗi một, lại không hợp thủy-thổ, còn quân Nguyễn thì đánh ngay ở đất nhà mình, có đồn lũy chắc chắn như Trấn - Ninh, Đồng-Hới, Trường-Dục, cái thế « dĩ dật đãi lao » đã giúp quân Nguyễn vẫn riêng một chốn sơn-hà.

Năm 1672, Trịnh - Tạc lấy sông Linh-giang phân giới hạn Nam, Bắc và đình việc chiến-tranh.

Tuy đình-chiến một trăm năm, mà chúa Nguyễn không hề xao nhãng việc sửa sang lũy Đồng-hới.

Tháng chạp năm Canh-thìn (29 Décembre 1700 27 Janvier 1701) Tổng-phúc-Tài làm nội hữu cai-cơ cùng văn - chức Trần-dinh-Khánh được chúa Nguyễn cử vào kinh-lý Quảng-bình và Bắc-chinh, khi về, dâng biểu xin sửa sang lũy Đồng-hới. Chúa Nguyễn sai thế-tử Diêu hiện làm Ngoại-tả tước Chương-dinh và Thủ-hợp Nguyễn-khoa-Chiến cùng Tổng-phúc-Tài và Trần-dinh-Khánh phải mộ dân phu và đem binh sĩ vào sửa sang chính-lũy Đồng-hới, từ núi Đầu-mâu đến hà-khẩu Nhật lệ.

Tháng ba năm 1710, chúa Nguyễn sai sửa sang thành-quách, cầu cống, đường xá ở hai dinh Lưu-đồn và Quảng-bình theo dọc lũy Đồng-hới (ở giữa và phía Nam tỉnh Quảng-bình bây giờ).

Tháng tư năm ấy, chúa Minh - Vương tới thăm lũy Đồng-hới.

Tháng chín năm 1713 (19 Octobre — 17 Novembre), chúa Minh-Vương lại thân-chính đến ba doanh Bắc-chinh, Lưu-đồn và Quảng-bình thăm các cơ-quan quân-sự.

Mãi đến năm 1774, tức là sau một trăm năm đình chiến, nhân trong Nam có quyền thần Trương - Phúc - Loan chuyên-chính ở trong, Tây-Sơn đánh phá ở ngoài, chúa Trịnh-Sâm

bèn sai đại-tướng Hoàng-Ngũ-Phúc đem thủy-bộ hơn 3 vạn quân vào đất Bồ - chính để đánh họ Nguyễn.

Hoàng-Ngũ-Phúc sang sông Linh-giang, sai Hoàng-Đình-Thê đem binh đánh lấy lũy Trấn-ninh. Phá được Trấn-ninh rồi, quân Trịnh tiến xuống đóng ở làng Hồ - xá (phía Bắc tỉnh Quảng-trị), đánh lấy lũy Đồng-hới, rồi chiếm cả tỉnh Quảng - bình. Trấn-thủ Quảng-bình là Liêm-Chính và Thống-Xuất đạo quân Lưu-đồn là Tống Hữu-Trường bỏ chạy.

Rồi tiến xuống miền Nam, quân Trịnh chiếm được thành Phú-xuân,

Nhà Nguyễn phải lánh nạn vào miền Nam,

Chẳng bao lâu, quân nhà Trịnh bị Tây-Sơn đánh đuổi.

Nguyễn-Ánh lánh sang Tiêm-la, sau đem quân về đánh Tây-sơn để khôi-phục lại giang-sơn.

Sau nhiều chiến-công thắng-lợi, Nguyễn-Ánh tiến lên miền Bắc,

Nguyễn-Văn-Trương được cử phòng-thủ lũy Đồng - hới cùng Tham-tri Lại-bộ Phạm-Như-Đặng cai-trị tỉnh Quảng-bình.

Quân Tây-sơn đóng ở Hà-Trung phía nam Hà-Tĩnh, đánh các đồn-ái Hoàng-sơn, rồi kéo xuống đánh lũy Đồng-Hới.

Nửa phần quân Nam tử-trận! Nguyễn văn Trương hết sức kháng-chiến và cố-thủ, đắp lại lũy Đồng-hới để phòng ngừa quân địch.

Sau đó lại xảy nhiều trận ở

dọc lũy Đồng-hới, tháng giêng năm Nhâm-tuất (3 Février 1802), quân Nguyễn - quang-Toản bị thua ở Nhật-lệ. Nguyễn-Ánh qua lũy Đồng-hới, ra lấy Bắc-kỳ. Quang-Toản bị bắt, đóng cũi.

Nguyễn-Ánh nhất thống ba kỳ, lên ngôi Hoàng-đế, đặt niên-hiệu là Gia-long (1802).



Năm 1821, vua Minh-mạng qua Đồng-hới, nghĩ đến chiến-sĩ đã bỏ mình vì nước, bèn truyền xây đài kỷ-niệm trận-vong tướng-sĩ và làm lễ quốc-tế.

Rồi, theo dọc lũy Đồng-hới, vua Minh - mạng cảm thành Đồng-hới như ngày nay : cách 150 thước tây, nhà vua cho xây Quảng-bình-quan và, về đầu lũy phía tây, xây Võ-thắng-quan. Hai cửa quan này, một cái thông ra quan-lộ, một cái thông ra đường núi. Lũy Đồng-hới được sửa-sang lại : Từ hải-khẩu Nhật-lệ đến sông Lê-kỳ đều xây bằng đá. Vua Minh-mạng trung tặg ba vị công-thần đã có nhiều công trong việc chống nhau với nhà Trịnh : Đào-duy-Từ, sáng-tạo ra lũy Đồng-hới, Nguyễn-hữu-Dật đã trùng-tu và đem hết dũng-lực cố-thủ lũy Đồng-hới, đều được trung - tặg Khai quốc công-thần tước Quốc-công.

Năm 1842, vua Thiệu-trị qua Đồng - hới, truyền Công - bộ thượng-thư biệp cùng các quan bản tỉnh phải sửa chữa những đoạn trường-lũy bị thời gian làm hư hỏng; Lễ-bộ thượng thư phải sửa lễ tế trận-vong tướng sĩ tại hải-khẩu Nhật-lệ và trong toàn hạt, có cuộc thao diễn

của thủy-quân tập cho quen địa thế và chiến lược. Lũy Đồng-hới từ đó được thay tên là *Định-Bắc trường-thành*.

Tuy có cuộc trùng-tu như thế nhưng thành Đồng-hới về sau cũng không giúp ích gì trong việc phòng thủ.

Năm 1885, một đạo binh Pháp theo tiếng kèn, dịp trống rầm-rô kéo vào thành Đồng hới, như vào một nơi bình địa dễ dàng. Đó là dấu chấm hết trên trang chiến - sử của lũy Đồng-hới. Từ đó trường lũy và thành Đồng-hới không còn một công dụng gì trong việc chiến thủ nữa. Đá, gạch cứ dần dần từ biệt cố lũy để dùng vào việc xây các dinh thự quan trọng và ích lợi cho đương thời.

Rồi « thương-hải biển vì tang điền », chẳng bao lâu theo thời gian, trường lũy Đồng-hới chỉ là một cái tên không, sẽ không còn một di-tích của một cơ quan quân-sự vĩ đại xưa đã từng có một quan hệ lớn lao trong lịch-sử hai triều Nam, Bắc !

Nhật-Nham

Cải-chính

T. T. số 9. — *Bài Lạc-vương* (tr. 3, c. 1): bổ chính, sửa là *bổ-chính* *Lũy Đồng-hới* (tr. 13, c. 2, dòng 19): « ...để ngăn chiến-thuyền... » sót chữ *thuyền*; *Tiếng hò* (tr. 15, c. 2): « ...vung trong tôi », sửa là « ...vung trong tôi »; *Đốt sách khiêu dâm* (tr. 18, c. 2, d. 9): « phải kiểm điểm... » sửa là « ...kiểm điểm... » *Văn Tân đà* (tr. 19, c. 2) « ...Bây chỉ giăng gió cho người gió giăng », sót hai chữ *gió giăng*; trang 14, cột 1: đất *dai...*, chữ không phải đất *dại...*

Chuyên thơ

Vì đâu rẽ thủy, chia loan

NHỚ nhưng tràn ngập cả tâm hồn. Thiếu phụ đang dẹt cửi, bỗng ngừng tay thoi lại, buông mắt ra ngoài sân, dăm dăm theo cỏi xa xăm, man-mác...

Trên cành mạn « thêu » hoa trắng toát, chim khách mĩa mai...

Nàng thấy mạn nở, lầm nhẫm nhớ ra rằng từ ngày chồng nàng lên Kinh du học, thắm thoát đã bốn xuân qua!

Phải, từ năm Mão đến nay là năm Ngọ, cây mạn trước cửa nhà nàng đã bốn độ trở hoa trắng!

« Bốn độ mạn nở, bốn độ xuân qua »! Nàng nhắc đi lặp lại mãi tám tiếng ấy trong trí! Rồi bất giác cảm xúc, nàng thờ thẩn bước ra khỏi khung cửi, vào trong phòng, cầm chiếc gương « tư mã » lên soi... Một buồn rười rượi chiếm cả tim nàng!

Khoanh hai tay đặt trên án thư bên chồng sách không cao mấy, rồi gục đầu xuống hai mu bàn tay trắng nõn, xinh xinh, nàng tức bực vì tiếng chim khách vẫn cứ nhai nhai mĩa mĩa!

Uể oải ngàng lên, nàng rút khăn thấm lệ hoen trên gò má hồng hồng mịn màng, nàng như sự nhớ ra, vội tìm lấy vật gì để cố chữa trong cơn cỏi-quạnh lạnh lùng này, lấy chút khuấy khuấy.

Nàng lần dở một quyển sách, tìm lấy bức thư và bài thơ của chồng nàng ở Kinh gửi về cho nàng độ nọ. Đọc đi đọc lại bức thư mấy lượt, nàng ràn rụa nước mắt, phần thương hại cho chồng

t đặt mấy khoa vẫn chưa trả xong cái nợ đèn sách; phần hơn tái phẫn mình, cứ mỗi lần mạn

nở, cái xuân xanh mình lại vùn vụt bay đi!

Khi xem đến bài thơ của chồng, nàng bật nảy ra một thơ tứ rất nồng-nàn, rất lý-thú...

Rồi nàng nhúng bút, lấy mực, cứ đầu mỗi câu thơ ngũ ngôn tuyệt cú của chồng, nàng lại viết thêm vào hai chữ nữa làm thành ra bài bốn câu bảy chữ, trước đề giải buồn, sau đề tỏ tình nhớ chồng xa vắng:

« Thiếp như »... *bach nhật mạc nhân quá!*

« Quân tư »... *thanh xuân bất tái lai!*

« Tự cô »... *song tiền căn khổ độc:*

« Kỷ nhân »... *mã thương cam y hời?*

DICH:

« Thiếp như »... *ngay trắng vụt sao đành!*

« Chàng tư »... *xuân qua để lại xanh?*

« Đòi thưa »... *bên song, chăm cặm-cui,*

« Mấy ai »... *về ngựa, gấm vung-vinh?*

Đầu mỗi câu, nàng thêm vào hai chữ như thế, thật tài-tình: vì đối trái lại hẳn với ý trong nguyên-văn bài thơ của chàng thư-sinh lão-đạo trường-ốc:

Ngày trắng vụt sao đành!

Xuân qua để lại xanh?

Bên song, chăm cặm-cui:

Về ngựa, gấm vung-vinh!

(Bach nhật mạc nhân quá,

Thanh xuân bất tái lai,

Song tiền, căn khổ độc:

Mã thương, cam y hời!)

Giá bài thơ « khéo chữa » ấy của chị vợ tai-hoa kia được lọt vào mắt anh chồng biết « nịnh

dầm », biết thương tài yêu nết, thì nó là một bông hoa đáng nâng - nía, đáng quý - báu khi đôi uyên-ương, sau này, cùng nhau chấp cánh tung bay giữa bầu không-khí yêu-đương, thanh-nhã.

Đằng này không! khi về nhà, thấy bài thơ chữa lại kia, anh chồng liền cho rằng chị vợ « hay chữ » ấy có cái tâm tình bất chính, nên mới thốt ra cái giọng nửa như chế riễu, nửa như mỉa-mai!

Án phụ tình đã treo rõ ở cửa công!

Người xưa thì-thảo: « Chia loan, rẽ thủy chỉ vì thơ! » Chúng ta ngày nay phân - nân: Chỉ vì anh chồng không hiểu vợ, không hiểu thơ, nên mới có « chuyện thơ tình phụ »!

SONG-CÔI

Sứ-bộ Tây - ban - nha (Espagne)

tiếp theo trang 3

ra Huế, người ta có thể nói rằng chánh-phủ Pháp đã hoàn-toàn ưng thuận cho sứ bộ thương-thuyết với Nam-triều.

Cuộc thương-thuyết ấy kéo dài hơn ba tháng và đã đăng kết quả mỹ mãn.

Thương-ước ký giữa hai nước Việt, Tây định ranh mối sự giao-dịch về thương-mại giữa Việt-Nam và Phi-luật-Tân. Ngoài ra còn phụ thêm một hiệp-ước qui-định việc đem hơn công Việt-nam sang các thuộc địa Tây ban - Nha nhất là sang đảo Cuba.

Tháng giêng nam Canh - thìn (Février 1880) sứ-bộ Ordonez về tới Saigon và trong hạ tuần tháng đó chiếu thông-báo hạm « Marques Del Duero » chở sứ-bộ, dời bến Saigon, sang Vọng - các, kinh đô nước Xiêm.

KHUÔNG-VIỆT

(Viết theo báo « Fre Nouvelle » và « In dépendant de Saigon » từ tháng Juin 1879 đến tháng Février 1880)

TIÊU - THUYẾT LỊCH - SỬ

BÀ QUÂN MỸ

CHU-THIÊN viết

SỐ 9

VĂN-Khuê ngồi trầm ngâm không nói.

Lặng một lát, nàng hỏi

giật :

— Hay là chúng ta quay về với Lê ?

Văn-Khuê dương đôi mắt đỏ ngầu nhìn nàng và biện bạch :

— Không được ! Đành rằng Mạc hoàng vô đạo, quên cả nghĩa vua tôi, chủ tâm lừa dối hãm hại chúng ta, thù ấy tất không thể cùng chung sống ! Nhưng còn thân-phụ ta, một lòng trung dũng, trọng nghĩa, quên mình, tấm thân già đương xông pha nơi mũi tên, ngọn mác. Ta không thể để ngài nghi ngờ ta, mà buộc tội ta là bất hiếu, bất trung được. Bây giờ nhất đán ta sang Lê, thì còn mặt mũi nào trông thấy ngài nữa ? Không ! không thể được !

Trong phòng lại im lặng. Hai người đều mãi nghĩ ngợi... Một lúc sau, Bạch-y nương nói :

— Hay là thế này : Ta đem quân bản-bộ vào đóng ở Gia-viên, nơi quê nhà ở đây mọi người đều mến phục chúng ta. Nếu có nguy-cấp, ta có thể mộ quân ngay trong vùng. Như vậy ta được lương-lợi, vừa có thể cự mệnh triều-đình, vừa vẫn không phải theo Lê. Rồi ta dâng thư bày rõ ân-tình và tấm lòng ngay thẳng của ta...

Văn-Khuê mừng quá, reo lên :

— Diêu kố ! Diêu kố ! Phu-nhân thật là cao kiến. Vậy phu-nhân viết ngay thư đi, đề phái người lập tức đem dâng thân-phụ. Từ đây đến chùa Thiên-xuân (1) không xa mấy, phi ngựa độ non ngày đường. Còn tôi, tôi ra thăm các quân-sĩ, truyền

lệnh tối hôm nay nhổ trại vào Gia-viên.

Văn-Khuê đi rồi, Bạch-y nương đem giấy bút ra, mài mực, viết bức thư gửi về Tướng-công Nguyễn-Quyện. Thư rằng :

« Trăm lạy thân-phụ,

« Đưa con bất-hiếu này đập đầu trăm lạy dâng lên thân-phụ mấy lời thành-thực : Phận nữ-nhi đã không đền được ơn cứu-dục, việc quốc-gia còn gây nên những nỗi đau lòng, Trống lên hồ bóng, nói lại thẹn lời. Nhưng sự thực cần phải nói, dù búa dùi quở trách, con cũng cam tâm !

« Nguyên mới đây ba hôm, ở Kinh đã có một việc rất đê-hèn. Hoàng-Thượng và Đông-cung Hoàng-hậu đã lừa con vào cung, rồi Hoàng-Thượng nhốt con rất lâu ở trong phòng, toan bề nài hoa ép liễu, Nhưng con không chịu, cực lực cự tuyệt. Sau con phải phá cửa, thoát thân. Khi chạy ra ngoài rồi, con còn văng-vẳng nghe thấy Hoàng-Thượng dọa giết chồng con. Con nghĩ : cứ ở Kinh tất chẳng yên nào, nên đêm hôm ấy, con phải mạo-hiểm trốn vào với chồng. Đến nơi, con đã thấy có chế-lệnh triệu chồng con về. Con biết mối nguy-cơ rất lớn, nên bàn cùng chồng con dời bản-bộ vào Gia-viên, không tuân mệnh-lệnh Triều-đình. Chịu tiếng bạn-nghịch, đề tự toàn, thật là kẻ cùng bất-đắc-dĩ, chúng con nào muốn vậy ! Con trộm nghĩ : gái trinh không đổi hai chồng, tôi chàng không thờ hai chúa, chẳng qua vì người ta bức-bách nên mới không thể chấp kinh mà phải lòng quyền như thế này ; trước đề thoát thân, bảo-loàn lấy danh tiết ; sau đề chiếm địa-lợi, chống với quân Lê.

« Vậy lạy xin cha già soi xét rõ nỗi khổ tâm và ban bảo cho đứa con hèn ở phương giới đợi mệnh.

« Hoàng hiệu Hưng-trị thứ ba, năm Canh-dần, tháng chín, ngày hai mươi sáu.

« Bất-liếu-nữ : Thị-Niên tay viết, trăm lạy dâng :

Thân-phụ, Đường Triều Thừa-tướng Thượng-lễ, Thường-quốc-công, Tổng-thống Liệt chế Thủy Lục chư quân Nguyên... phủ hạ mở xem ».

IV

Năm Nhâm-Thìn, niên-hiệu Hồng ninh thứ hai (1593).

Hơn một năm qua, Vợ chồng Văn-Khuê vẫn yên ổn ở Gia Viễn, chỉ phải thỉnh - thoảng chống nhau soàng với những đội quân lẻ - tẻ của bên Lê đến khuấy nhiễu. Còn đại,đội Trịnh-Tùng đã đem cả ra mạn Sơn-Tây tiến gấp xuống Kinh-thành. Bên Mạc, suốt một năm giới, đại quân thua luôn ở Sơn-tây. Mậu hợp phải thân ra đốc quân ở Phấn thượng. Mạc Ngọc-Liễn và Nguyễn-Quyện chia quân ra hai mặt đông bắc, tây-nam để chống giữ Thăng-long. Vua Mạc không rồi thì-giờ hỏi đến « tội » vợ chồng Văn-Khuê nữa.

Một buổi sáng cuối xuân. Vòm trời còn phảng-phất khí mù trắng toát của những dãy núi xanh xanh liên-tiếp. Cảnh vật lặng-lờ. Trong trại Bùi tướng-quân, quân lính đang thối cơm sớm. Bổng lính canh dẫn đến huy-hạ (2) ba người ăn mặc võ-phục rất gọn-gàng. Bạch-y nương nhận ra trong bọn một viên tiểu-tướng của Nguyễn-Quyện mà nàng rất quen. Nàng vui vẻ hỏi ngay :

— À kìa, Trần tướng-quân ! Vui nhỉ, tướng quân đã đến đây với

chung tôi! Chắc là có lệnh của Nguyễn tướng-Công?

Trần-Nghiêm — tên vị tiểu-tướng ấy chưa kịp đáp lại, thì một người trong bọn đã đỡ nhời:

— Bẩm các-hạ cùng lệnh - bài chúng tôi sở dĩ đến đây là theo mệnh-lệnh của Nguyễn tướng-công và mệnh-lệnh của chủ-tướng chúng tôi là Lê-triều Đô-tướng tiết-chế thủy bộ chư dinh, kiêm tổng nội, ngoại binh hương quân-quốc trọng-sử Trịnh tướng-Công.

Văn-Khuê ngạc-nhiên, chau mày hỏi:

— Các ông nói thế nào vậy?

— Bẩm các-hạ, chủ-tướng chúng tôi và Nguyễn tướng-công từ Thăng-long về qua đây, tiện có bức thư dâng các-hạ.

Nói xong người ấy đệ bức thư đặt lên án.

Văn-Khuê mở ra xem. Thư như sau:

« Lê-triều Đô-tướng tiết chế chư quân Trịnh...

« Kính gửi Thủy-quân đại-tướng Bút...

« Nhà Lê lại đây, lòng người đều theo. Giờ đã làm mất nhà Mạc, chứ không phải việc người. Làm kẻ tuần-kiệt cần phải thức thời, hiểu lẽ hưng vong mà xử thế. Nay Tướng quân chiếm một góc rừng cỏ quán tự giữ. Về với Mạc, thì cuộc sắp tàn; chống với Lê thì thật sức không đủ. Mai kia bản sủng lược định Thăng Long, thu phục cả thiên-hạ, đem đại đội đánh vây bốn mặt: Tướng-quân lúc ấy nghĩ sao? Ngày nay, cái kẻ vạn toàn của Tướng-quân không gì hơn là đem quân theo Lê cùng chúng tôi cùng hưởng lợi lạc, Sự lý rành rành như kia bức minh-triết ai là không nhận thấu? Huống chi Lôn-đường Nguyễn tướng công đã cùng cả gia-quyển theo về với Lê-triều rồi thì tướng-quân còn do-dự làm chi nữa?

« Hoàng hậu Quang Hưng (3) thứ mười lăm, năm Nhâm thìn, tháng ba, ngày mười sáu,

« Lê-triều Trịnh... Tiết chế thủy bộ.

Văn-Khuê xem xong thư, đưa cho Bạch-y nương rồi hỏi sự-giả.

Trịnh-công bây giờ ở đâu? Các

ông lấy gì làm chắc rằng Nguyễn tướng-công ta đã về với Lê? Ta không bao giờ mắc lừa các ông. Dù Nguyễn tướng-công có về Lê thật rồi đi nữa, ta cũng vẫn một lòng không đổi, thì các ông nghĩ thế nào?

— Chủ-tướng chúng tôi về Thanh rồi. Muốn chứng thực rằng Nguyễn tướng-công đã về Thanh với chủ tướng chúng tôi thì đã có Trần tướng-quân đây. Còn hiểu lẽ gì mà về Lê hay không, cái đó tùy ở các-hạ, chứ chúng tôi biết sao được!

Bạch-y nương thấy nói vậy, liền quay hỏi Trần-Nghiêm:

— Thân-phụ ta đã về Lê thật rồi à, Trần tướng-quân? Duyên cớ làm sao vậy?

— Bẩm phu-nhan, vâng, hện tiểu-tướng cũng theo Tướng-công, được Trịnh Đô-tướng cử vào sứ-bộ, nên tiểu-tướng mới có dịp vào phu-nhan và các hạ ở đây. Xin dâng bức thư của Văn-xương-hầu.

Bạch-y nương đỡ lấy bức thư bóc ra xem Thư rằng:

« Thừa chi,

— « Đường cùng, vắn kiển, khó tránh số giới. Cả nhà ta nay đều tan tác. Hai anh Bảo-Trung, Nghĩa-Trạch đều bị chết ở Cầu-Giễn, phường Hồng-mai; cha và em bị bắt theo quân Trịnh đô-tướng. Vâng báo tin để chi biết.

« Năm Nhâm thìn, tháng ba, ngày mười hai.

« Em: Nguyễn-Tin lấy dâng.

« Chị Bạch-y nương mở xem ».

Bạch-y nương nhận rõ nét chữ em mình, bất giác thất kinh kêu lên rằng:

— Giờ ơi! Sự thế lại đến thế ư? Hai anh ta bị chết trận. Cha và em bị bắt vào Thanh?

Rồi nàng hỏi Trần-Nghiêm tình hình thua trận ở Cầu Giễn thế nào. Trần ngẫm nghĩ một lát, rồi thưa:

— Khi ấy, quân Lê kéo qua sông Tô-Lịch, chiếm cầu Nhan-mục. Tướng công cùng Khiêm-vương Mạc kính Điện chia quân giữ thành,

Tướng-công đặt phục binh ở Cầu-Giễn. Quân của Trịnh đô-tướng đánh hang quá, đục lũy, lên thành, pha vỡ ba lần cửa thành ngoài, đốt các phố xá. Đại quân ào-ào tiến như thác. Phục binh không kịp dạy đã tán loạn. Hai công tử Bảo-Trung, Nghĩa-Trạch bị chết ngay tại trận. Tướng-công với tiểu tướng cũng bị bắt giải về dưới trướng. Trịnh đô-tướng cởi tước cho tướng-công, mời lên thượng tọa, lay hai lay rồi hỏi kể trù nhà Mạc. Tướng-công đáp: « Ông tướng đã thua, không còn nói hay. Giờ đã làm mất nhà Mạc. Anh-hùng không phải dùng sức! »

Với giọng thương cảm, Trần-Nghiêm nghẹn ngào một lát, rồi tếp:

— Rồi Tướng-công bảo phá bang cái lũy ngoài thành Đại-la, để quân Mạc không còn chỗ giữ. Trịnh-công liền cho tam quân phá hào lũy ở ngoài san phang làm đất bằng dài đến vài nghìn trượng. Bây giờ Trịnh công rước Tướng công cùng về Thanh rồi!

Bạch-y nương lại hỏi

Thế Mạc Hoàng lúc ấy đau?

Bẩm, Hoàng đế sang sông, chạy về Gia-lâm từ lúc quân Lê đến cầu Nhan-mục.

Văn Khuê vừa nghĩ vừa nghe chuyện, lúc ấy mới bảo sứ-bộ:

— Các ông về trình với Trịnh công rằng: Ta đã nghĩ kỹ rồi. Ta sống cũng ở đây và chết cũng ở đây!

Khi sứ bộ đi rồi, Văn Khuê cười bảo Bạch-y nương:

Làm vua như Mạc-hoàng thế đấy! Lúc bình thường thì muốn chiếm đoạt hết hạnh-phúc của người ta. Đến khi giặc vào thành thì bỏ chạy trước!

(1) Chùa Thiên xuân ở trên Sông Đáy thuộc làng Hương xị án, huyện Thanh Oai

(2) Hug hạ là dưới cột cờ của ông tướng.

(3) Nền hiệu vua Thế Tôn nhà Lê

Còn nữa

CHU THILY